



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Số: 377/SMBĐ - CBTT

V/v: Công bố thông tin Báo cáo
thường niên năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
2. Mã chứng khoán: PSB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 65A3, đường 30/4, phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh
4. Điện thoại : 0254.3624188 Fax: 0254.3624189
5. Người thực hiện công bố thông tin : Nguyễn Thu Hương ĐT: 0987806908
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình xin gửi kèm Báo cáo thường niên năm 2025 đến Quý Ủy ban và Quý Sở, đồng thời đăng tải trên trang thông tin của Công ty tại địa chỉ: www.pvsb.com.vn theo quy định.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Ban KS Cty (để b/c);
- Ban GD Cty;
- Ban BT Website (để thực hiện);
- Lưu VT; TCHC; NTH (scan).

Người được ủy quyền
công bố thông tin



Nguyễn Thu Hương

2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



FS 616818

EMS 616819

OHS 616820



NỘI DUNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
4. Định hướng phát triển.
5. Các rủi ro.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tổ chức và nhân sự.
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.
4. Tình hình tài chính.
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tình hình tài chính.
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán (nếu có).
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Giám đốc.
2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị.
2. Ban kiểm soát.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

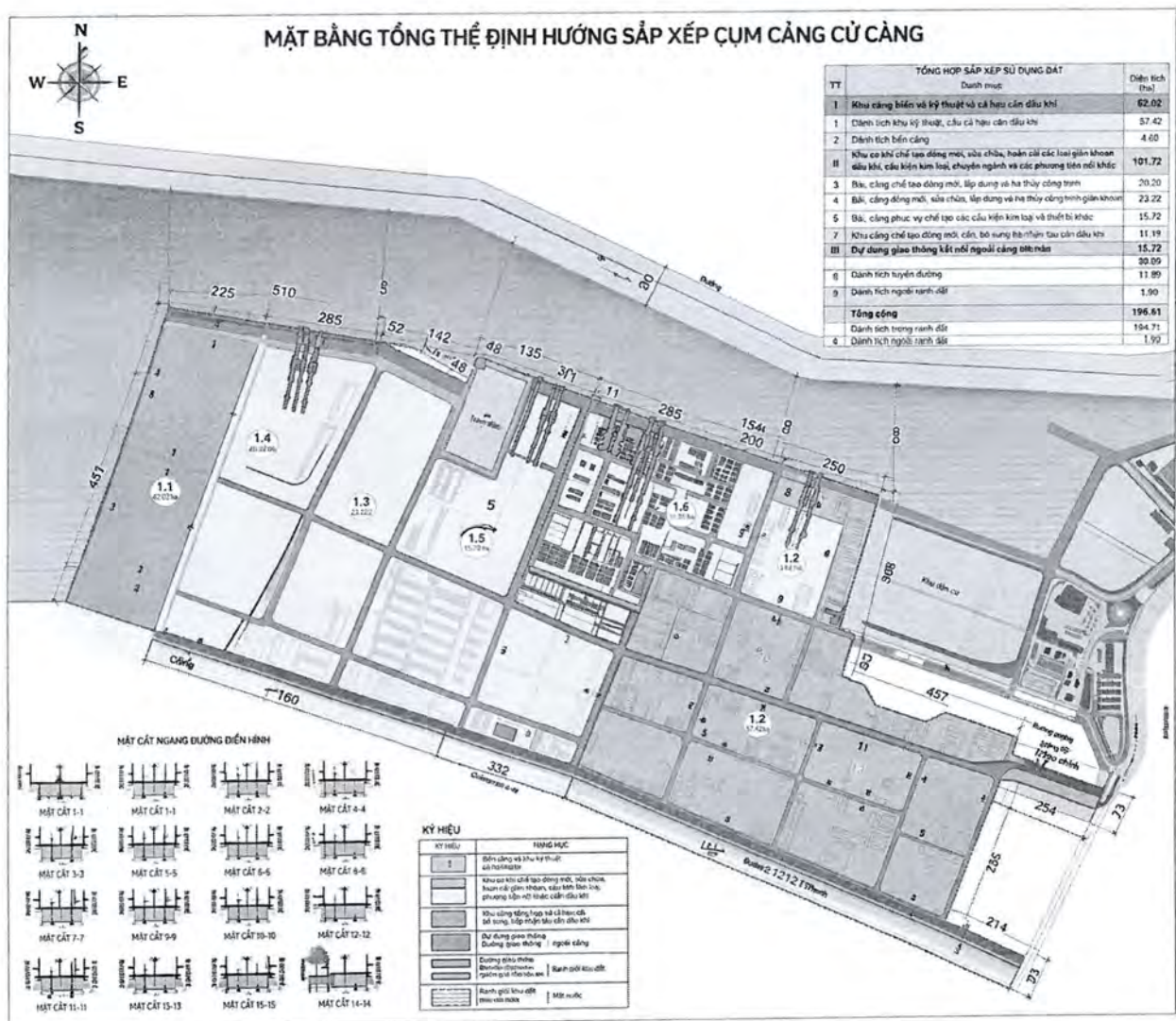
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH
- Tên giao dịch đối ngoại : SAOMAI-BENDINH PETROLEUM INVESTMENT JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3500794814, đăng ký lần đầu ngày 07/05/2007, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 28/4/2025 .
- Vốn điều lệ : 500.000.000.000 đồng (năm trăm tỷ đồng)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 50.000.000 cổ phiếu (năm mươi triệu cổ phiếu)
- Địa chỉ trụ sở : Số 65 A3, đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 0254.3628188 Fax : 0254.3628189
- Email : saomaibendinh@ptsc.com.vn
- Website : www.pvsb.com.vn
- Mã cổ phiếu : PSB



(Sơ đồ vị trí Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình)

Quá trình hình thành và phát triển: Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ) là doanh nghiệp do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cổ đông chiến lược sáng lập, hiện nay là đơn vị thành viên của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC). Nhiệm vụ trọng tâm của Công ty là đầu tư, xây dựng, vận hành và khai thác Tổ hợp Cảng - Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí tại khu vực Sao Mai - Bến Đình thuộc thành phố Vũng Tàu với quy mô hiện đại để phục vụ công tác thăm dò, tìm kiếm, khai thác dầu khí và thực hiện các dịch vụ dầu khí...

- 06/04/2007: Công ty được thành lập theo Nghị quyết số 1847/NQ-DKVN ngày 06/04/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- 24/04/2007: Đại hội đồng cổ đông lần thứ 1 đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ); Phương án đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.

- 07/05/2007: Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

- 24/03/2008: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định thu hồi đất để bàn giao cho SMBĐ.

- 11/11/2009: Hoàn thành việc đầu tư cơ sở hạ tầng mặt bằng bãi 39,8ha và bàn giao cho Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí PV Shipyard thuê.

- 25/12/2009: Niêm yết thành công cổ phiếu của Công ty trên sàn chứng khoán Việt Nam (UPCOM) với mã chứng khoán PSB.

- 26/04/2010: Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập *Dự án Cảng container Quốc tế Vũng Tàu và Khu hậu cần Logistics*, Công ty SMBĐ, Công ty BSPD (thuộc Vinalines) và Tập đoàn Trung Hoa Chiêu thương Cục (CMG) sau khi đàm phán đã ký kết Hợp đồng Liên doanh ngày 26/04/2010 để thành lập Công ty Cổ phần Cảng container Quốc tế Vũng Tàu với tỷ lệ tham gia SMBĐ 25%, BSPD 26% và CMHI 49%.

- 16/09/2010: Hoàn thành việc đầu tư cơ sở hạ tầng mặt bằng bãi 23,5ha và bàn giao cho Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí PVC-MS thuê.

- 01/01/2012: Hợp đồng Liên doanh hết thời hạn hiệu lực, Công ty SMBĐ đã thông báo quyết định chấm dứt Hợp đồng Liên doanh ký ngày 26/04/2010 và đã được các bên liên doanh chấp thuận theo đúng quy định.

- 16/07/2012: Thủ tướng Chính phủ cho phép chủ trương tiếp tục thực hiện đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.

- 27/09/2012: UBND tỉnh BR - VT cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 49121000147 để thực hiện đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.

- 08/07/2015: Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đợt 1.

- 10/08/2015: Khởi công đầu tư xây dựng Dự án khu dịch vụ dầu khí 35ha (Phân kỳ I).

- 28/11/2017: Văn phòng Công ty chuyển về trụ sở số 65A3 đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là số 65A3 đường 30/4, phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh)

Hg

- Năm 2018: Hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng khu bãi 7ha.
- 26/08/2019: Công ty Cổ phần đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình đã ký kết Hợp đồng thi công lắp đặt hệ thống cầu dẫn DA – DC thuộc Dự án Gallaf cho Tổng thầu là Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí.
- Năm 2020: Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình đã ký kết hợp đồng đối với hạng mục Cọc Đại Nguyệt (DN WHP Piles) trong cụm dự án Dự án Sao Vàng - Đại Nguyệt với Tổng thầu là Công ty Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC (PTSC M&C) và Công ty Idemitsu Gas Production (IGP) là đại diện Chủ đầu tư.
- Năm 2021: Đại hội đồng cổ đông chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án điều chỉnh dự án đầu tư Dự án: Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình tại Nghị Quyết 74/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 12/11/2021.
- 26/03/2022: Công ty Cổ phần đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình đã Tổ chức lễ First Cut cho Hợp đồng thi công sản Mudmat thuộc dự án SHWE Phase 3 cho Tổng thầu là Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ Khí Hàng Hải.
- Năm 2023: Ngày 23/6/2023, tại công trường Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình đã tổ chức lễ khởi công dự án Chế tạo Suction Bucket thuộc Hợp đồng chế tạo và cung cấp chân đế cho Dự án Điện gió ngoài khơi Greater Changhua 2b & 4 tại Đài Loan (Trung Quốc) do Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) là tổng thầu chính và Công ty Orsted Taiwan Ltd (Orsted) là chủ đầu tư. Trong đó, Công ty PVSb thực hiện chế tạo 13 chân đế điện gió với tổng khối lượng ước tính cho là 3.600 tấn.
- Năm 2024: Công ty SMBĐ thực hiện Công trình san lấp mặt bằng Phân khu 1 – Phân kỳ 2 (5,2ha) thuộc Dự án Đầu tư xây dựng Khu Dịch vụ Dầu khí 35ha.
- Năm 2025:
 - + Tháng 6 năm 2025 Công ty SMBĐ đã thực hiện đầu tư san lấp bãi 21,5 ha thuộc căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí 35ha.
 - + Đầu tháng 9 năm 2025 Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình đã chính thức hoàn thành, bàn giao hạng mục Gia công Chế tạo 16 Cọc thuộc Dự án BLOCK 15-1/05 LAC DA VANG OIL DEVELOPMENT.
 - + Ngày 5 tháng 9 năm 2025 Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình chính thức khởi công Dự án VIETNAM BLOCK B GAS PROJECT – Provision Of Fabrication Service For Pipe Support, E&I Support And Structural Miscellaneous Of CPP Topside (EPCI #1).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn tơ, sợi dệt; Bán buôn nguyên liệu bông xơ; thuốc nhuộm; Bán buôn nguyên phụ liệu, bao bì cho ngành dệt may; Bán buôn nhựa đường và các nguyên liệu hóa chất sản xuất phụ gia nhựa đường; Kinh doanh phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông; trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Hạt nhựa polypropylen và các sản phẩm khác có liên quan;

2.2. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình; Xây dựng công trình điện đến 35KV; Xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước; Xây dựng trạm bơm; Xây dựng công trình đường ống dẫn căng dầu, chất lỏng;

2.3. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và TBA đến 35KV; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường giao thông; Giám sát công tác hoàn thiện công trình dân dụng;

2.4. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai – Bến Đình, cụm cảng container; Cho thuê kho bãi; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở;

2.5. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ đại lý tàu biển; Kinh doanh khai thác cảng biển (vận hành khai thác cảng);

2.6. Đóng tàu và cầu kiện biển, chi tiết: Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, các phương tiện nổi;

2.7. Sửa chữa máy móc thiết bị, chi tiết: Sửa chữa tàu thuyền, các phương tiện nổi; Sửa chữa container; Sản xuất container;

2.8. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, chi tiết: Lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí;

2.9. Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, chi tiết: Kinh doanh vận tải đường biển;

2.10. Vận tải hành khách đường thủy nội địa, chi tiết: Kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

2.11. Buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy móc khác, chi tiết: Mua bán máy móc thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí, hàng hải;

2.12. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Vận tải hàng bằng đường bộ, dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu;

2.13. Cho thuê xe có động cơ, chi tiết: Cho thuê các phương tiện vận tải;

2.14. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;

2.15. Cung ứng lao động tạm thời, chi tiết: Cho thuê lại lao động;

2.16. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;

2.17. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển, chi tiết: Cho thuê container; Cho thuê máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, xây dựng, hóa chất, dầu khí không kèm người điều khiển;

2.18. Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Mạ, đánh bóng kim loại...; Xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt; Phun cát, trộn, làm sạch kim loại;

2.19. Bốc xếp hàng hóa, chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển, cảng sông;

2.20. Xây dựng nhà để ở;

2.21. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;

Handwritten signature

2.22. Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại, chi tiết: Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất; Sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho nén và hóa lỏng khí đốt; Sản xuất nồi hơi trung tâm và nồi cấp nhiệt;

2.23. Xây dựng nhà không để ở;

2.24. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

2.25. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên, chi tiết: Quảng lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng – căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, dịch vụ chế tạo sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, dịch vụ thử tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy, nâng hạ hạng nặng, cân;

2.26. Xây dựng công trình thủy, chi tiết: Xây dựng cảng;

2.27. Thu gom rác thải không độc hại;

2.28. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp; Xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí, kho chứa các sản phẩm dầu khí, các công trình đường ống dẫn dầu-khí-nhiên liệu;

2.29. Thu gom rác thải độc hại;

2.30. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.

2.31. Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;

2.32. Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;

2.33. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự;

2.34. Cung ứng và quản lý nguồn lao động, chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài.

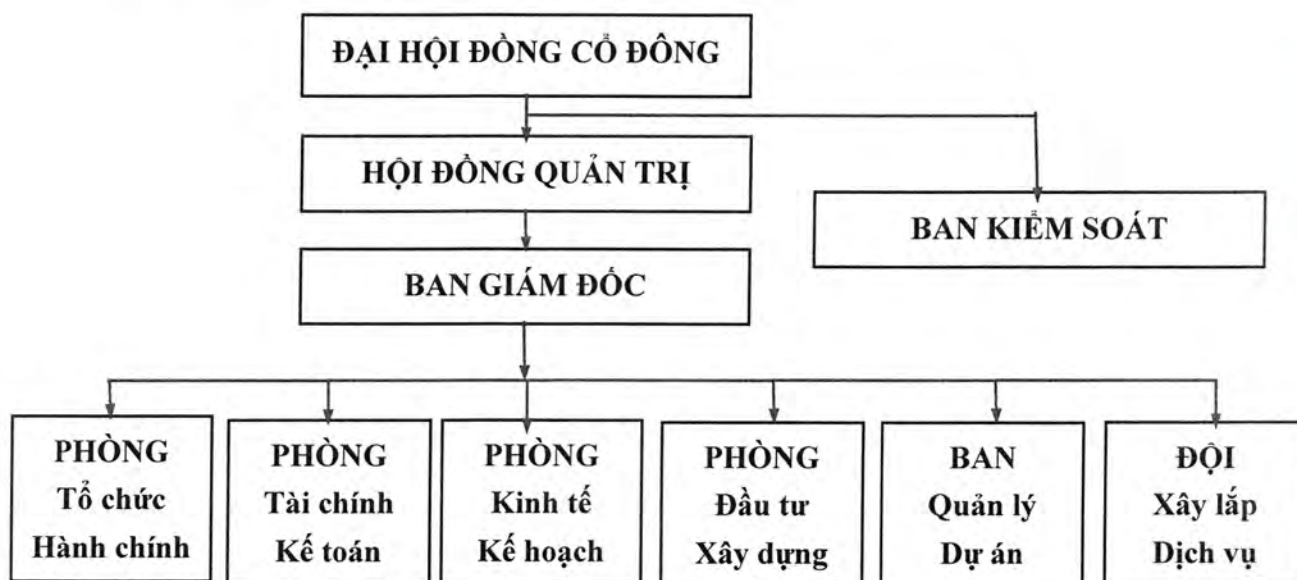


3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình sau đây: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



4. Định hướng và phát triển:

Với mục tiêu “Xây dựng SMBĐ trở thành công ty dịch vụ hạ tầng dầu khí, hàng hải mạnh có thương hiệu trong nước và trong khu vực, trong đó lấy việc xây dựng hạ tầng làm then chốt ...”, Công ty SMBĐ sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ chiến lược sau:

4.1. Đẩy nhanh công tác xây dựng hệ thống dịch vụ căn cứ cảng và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để khai thác và cho thuê tại khu vực Sao Mai – Bến Đình.

4.2. Quản lý, khai thác và phát triển các dịch vụ tiện ích, cơ sở hạ tầng.

Handwritten signature or mark.

4.3. Khai thác tối đa các dịch vụ cảng, mở rộng phát triển dịch vụ hậu cần, dịch vụ tổng hợp dầu khí và các dịch vụ hỗ trợ khác.

4.4. Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ dầu khí có hàm lượng công nghệ kỹ thuật cao, tiềm năng thị trường tốt bao gồm:

- Dịch vụ xây lắp cơ khí, chế tạo các công trình dầu khí.
- Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí, các phương tiện nổi.
- Dịch vụ thu dọn, tháo dỡ các công trình dầu khí.
- Dịch vụ vận chuyển, hạ thủy các kết cấu siêu trường siêu trọng.
- Dịch vụ thương mại dầu khí.
- Dịch vụ cung ứng nhân lực dầu khí.

4.5. Tập trung đào tạo, xây dựng, duy trì và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng tốt yêu cầu phát triển theo từng giai đoạn của Công ty.

4.6. Hoàn thiện hệ thống quản lý tiên tiến trong Công ty đảm bảo sự điều hành thống nhất, đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.7. Tăng cường tìm kiếm và mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, đặc biệt là các đối tác nước ngoài nhằm tận dụng tối đa lợi thế sẵn có của đối tác như kinh nghiệm, khả năng tài chính, công nghệ, thiết bị hiện đại, thị trường toàn cầu, trên cơ sở đó nâng cao lợi thế cạnh tranh của Công ty.

5. Các rủi ro:

Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp là một quy trình được thiết lập bởi Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý có liên quan khác áp dụng trong quá trình xây dựng chiến lược doanh nghiệp thực hiện những sự vụ có khả năng xảy ra gây ảnh hưởng tới doanh nghiệp đồng thời quản lý rủi ro trong phạm vi cho phép nhằm đưa ra mức độ đảm bảo trong việc đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp.

Đặc thù của lĩnh vực dầu khí hiện nay phải đối mặt với nhiều rủi ro vì vậy ngay từ ngày đầu thành lập, công tác quản trị rủi ro đã được Công ty đặc biệt quan tâm. Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro nghiêm ngặt. Hệ thống quản trị rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Các rủi ro tại Công ty được chia thành các nhóm chính sau:

- **Rủi ro trong kinh doanh:** là tất cả những yếu tố rủi ro phát sinh từ môi trường kinh doanh bên ngoài Công ty như: chính trị, xã hội, khoa học công nghệ, nhà cung cấp, khách hàng, đối thủ cạnh tranh...
- **Rủi ro trong hoạt động:** là các rủi ro về vi phạm quy định chính sách nội bộ của Công ty hoặc các hoạt động gian lận như: tham ô, mất mát, lãng phí, hư hỏng, lạm dụng, phá hoại...
- **Rủi ro tuân thủ:** là các rủi ro liên quan đến pháp luật, hay chính là những việc vi phạm các văn bản pháp luật của nhà nước...
- **Rủi ro tài chính:** là những rủi ro liên quan đến các thiệt hại có thể xảy ra đối với thị trường tài chính do sự thay đổi của các biến số tài chính: giá cả, lãi suất, tỷ giá...

Việc kiểm soát rủi ro được thực hiện theo quy trình chặt chẽ phù hợp với đặc thù công việc của Công ty, đảm bảo tuyệt đối về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, nâng cao hiệu suất, hiệu quả lao động và tuân thủ luật pháp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Được sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Tổng Công ty và sự hợp tác hỗ trợ của các đơn vị trong ngành, đối tác, cùng sự nỗ lực, quyết tâm cao của Ban lãnh đạo, Công ty duy trì ổn định nguồn công việc, hoàn thành các chỉ tiêu các mục tiêu kế hoạch SXKD đề ra trong năm 2025. Công ty đã và đang tích cực bám sát tình hình diễn biến của thị trường, chủ động tham gia các hạng mục công việc mới theo xu hướng dịch chuyển năng lượng, đồng thời áp dụng nhiều giải pháp tiết giảm chi phí, rà soát giảm giá tối đa để có thể cung cấp dịch vụ thi công cơ khí với mức giá cạnh tranh nhất. Công ty đang theo sát tình hình các dự án để tìm cơ hội chào thầu cung ứng dịch vụ thi công chế tạo cơ khí với PVS, PTSC MC, POS và các đơn vị khác trong ngành Dầu khí. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty SMBĐ năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	TH năm 2024	KH năm 2025	TH năm 2025	% TH so với KH
1	Vốn điều lệ	500,00	500,00	500,00	100%
2	Tổng doanh thu	135,65	208,87	222,21	106,39%
a	<i>Doanh thu hoạt động SXKD</i>	<i>115,28</i>	<i>206,41</i>	<i>208,81</i>	<i>101,16%</i>
-	<i>Cung cấp dịch vụ xây lắp, cơ khí</i>	<i>24,00</i>	<i>115,00</i>	<i>89,69</i>	<i>77,99%</i>
-	<i>Dịch vụ cung ứng VTTB</i>	<i>33,08</i>	<i>30,00</i>	<i>44,77</i>	<i>149,23%</i>
-	<i>Dịch vụ căn cứ cảng</i>	<i>11,76</i>	<i>23,45</i>	<i>25,15</i>	<i>107,25%</i>
-	<i>Dịch vụ cấp điện, nước tại cảng</i>	<i>20,63</i>	<i>17,54</i>	<i>34,96</i>	<i>199,32%</i>
-	<i>Dịch vụ cung ứng nhân lực khác</i>	<i>24,71</i>	<i>20,42</i>	<i>8,82</i>	<i>44,12%</i>
-	<i>Doanh thu khác</i>	<i>1,10</i>	-	<i>5,42</i>	-
b	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>16,38</i>	<i>2,46</i>	<i>12,23</i>	<i>497,15%</i>
c	<i>Thu nhập khác</i>	<i>3,99</i>	-	<i>1,17</i>	-
3	Lợi nhuận trước thuế	1,65	2,00	3,81	190,50%
4	Lợi nhuận sau thuế	0,76	1,11	1,61	145,05%
5	Thuế và các khoản phải nộp	0,31	2,71	1,12	41,33%

	NSNN				
6	Đầu tư xây dựng cơ bản				
-	<i>Giá trị thực hiện</i>	<i>39,81</i>	<i>950,92</i>	<i>34,50</i>	<i>3,63%</i>
-	<i>Giá trị giải ngân</i>	<i>16,63</i>	<i>731,04</i>	<i>153,78</i>	<i>21,04%</i>
7	Số lao động cuối kỳ	68	82	71	86,59%

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tổng doanh thu năm 2025 là 222,21 tỷ đồng, đạt 106,39% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 là 3,81 tỷ đồng.

Doanh thu từ hoạt động SXKD năm 2025 là 208,81 tỷ đồng, đạt 101,16% so với kế hoạch năm.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

① Ông NGUYỄN THANH HẢI GIÁM ĐỐC CÔNG TY



- + Sinh năm 1971 tại Nam Định.
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí; Cử nhân quản trị kinh doanh.
- + Số lượng CP sở hữu cá nhân: 975 cổ phiếu.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- + 07/1994 – 05/2001: Công nhân cơ khí, Xí nghiệp Cảng dịch vụ Dầu khí.
- + 05/2001 – 06/2002: Xưởng phó xưởng cơ khí, Xí nghiệp Cảng dịch vụ Dầu khí.
- + 06/2002 – 10/2008: Xưởng trưởng xưởng cơ khí, Xí nghiệp Cảng dịch vụ Dầu khí.
- + 10/2008 – 04/2025: Phó Giám đốc chi nhánh Tổng Công ty - Công ty cảng Dịch vụ dầu khí.
- + 07/2024 – 04/2025: Trợ lý Tổng Giám đốc Tổng Công ty PTSC
- + 04/2025 – Nay: Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

**② Ông TRẦN ĐỨC HẠNH
PHÓ GIÁM ĐỐC**



- + Sinh năm 1979 tại Thanh Hóa.
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý dự án, Kỹ sư Xây dựng.
- + Số lượng CP sở hữu cá nhân: 58.007 cổ phiếu.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- + 04/2002 – 11/2003: Công ty Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới – Bộ Giao Thông Vận Tải.
- + 12/2003 – 12/2004: Xí nghiệp Xây lắp Công trình Biển – XN Liên doanh Dầu khí Vietsovetro.
- + 12/2004 – 06/2005: Ban Dự án RuBy B – Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovetro.
- + 06/2005 – 03/2007: Tổng kho Xăng dầu Vũng Tàu – Công ty Chế biến và KD SP Dầu mỏ.
- + 04/2007 – 10/2007: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Tổng kho Xăng dầu Vũng Tàu.
- + 11/2007 – 10/2009: Trưởng phòng Đầu tư Xây dựng – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 10/2009 – đến nay: Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

2.2. Số lượng cán bộ, công nhân viên

Tổng số người lao động Công ty SMBĐ năm 2025 là 72 người, trong đó bao gồm 04 chức danh Lãnh đạo Công ty: Ban Giám đốc, Chủ tịch HĐQT, Phụ trách kế toán.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Dịch vụ thi công chế tạo cơ khí

Công ty đã và đang tích cực bám sát tình hình diễn biến của thị trường, chủ động tham gia các hạng mục công việc mới theo xu hướng dịch chuyển năng lượng, đồng thời áp dụng nhiều giải pháp tiết giảm chi phí, rà soát giảm giá tối đa để có thể cung cấp dịch vụ thi công cơ khí với mức giá cạnh tranh nhất.

Thực hiện thanh quyết toán hợp đồng cung cấp dịch vụ chế tạo ống cho dự án Lạc Đà Vàng ký với PTSC MC.

Thực hiện Hợp đồng thi công chế tạo các hạng mục Piping support, E&I support và Structure miscellaneous của CPP Topside (tiến độ đạt 21%) và Hợp đồng cung cấp dịch vụ bắn hạt mài và sơn cho kết cấu và đường ống của CPP TS thuộc dự án Block B – P1 (tiến độ đạt 10%).

Thực hiện hợp đồng cung cấp và thi công cọc khoan nhồi đại trà cho khu vực Process Unit và Piperack ký với Tổng công ty PTSC.

- Dịch vụ cung cấp vật tư thiết bị

Công ty thực hiện việc thanh toán các hợp đồng: Cung cấp cầu 8 tấn cho dự án BK22 lô 09-1; Cung cấp cầu Pedestal phục vụ dự án phát triển mỏ Kinh Ngư Trắng

(KNT) lô 09-1. Thực hiện hợp đồng cung cấp cầu tháp 32 tấn cho PTSC M&C và Hợp đồng cung cấp 03 cầu bánh lốp 100 tấn cho Công ty TNHH COPCON.

- Dịch vụ Căn cứ cảng

Công ty tiếp tục cung cấp dịch vụ kho bãi 63ha ổn định cho PVC MS, PV Shipyard, thực hiện hợp đồng về việc cung cấp cơ sở hạ tầng (6ha) cho PTSC MC, thực hiện hợp đồng cho Tổng Công ty PTSC thuê 1,1ha và thực hiện hợp đồng cho POS thuê 2,5 ha để thực hiện các dự án.

- Cung cấp điện, nước

Về loại hình dịch vụ lĩnh vực cung cấp điện nước tại cảng chủ yếu là việc cung cấp các dịch vụ cung cấp điện, nước cho các đơn vị thuê bãi khu Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Doanh thu lĩnh vực này liên quan trực tiếp đến các dự án được thực hiện trên khu bãi thuê của các khách hàng thuê đất.

- Dịch vụ cho thuê lại lao động

Hiện nay nhân lực chủ yếu cung cấp cho các Dự án của Tổng Công ty PTSC và các Dự án trong ngành dầu khí.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ % so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	805.391.017.257	850.546.794.831	105,61%
Doanh thu thuần	115.277.063.141	208.807.105.108	181,14%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(105.514.783)	11.944.702.521	-
Lợi nhuận khác	1.755.993.235	(8.130.558.168)	-
Lợi nhuận trước thuế	1.650.478.452	3.814.144.353	231,09%
Lợi nhuận sau thuế	763.286.532	1.607.058.315	210,54%
Lãi vơ bản trên cổ phiếu	13	32	246,15%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	7,78	4,57	
+ Hệ số thanh toán nhanh	7,14	3,92	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	31%	34%	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	44%	52%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	4,08	3,29	
+ Vòng quay tổng tài sản	0,14	0,25	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,66%	0,77%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,14%	0,29%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,09%	0,19%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	-	5,72%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

+ Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: 50.000.000 CP

+ Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông (Căn cứ trên danh sách chốt tại VSDC vào ngày 03.03.2025 và các Báo cáo của cổ đông):

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I.	TRONG NƯỚC:	49.994.540	99,99%
1	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	25.500.000	51,00%
2	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng	800.000	1,60%
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Chợ Lớn	2.483.100	4,97%
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Tư vấn Tương Lai	3.306.000	6,61%
5	Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	119.146	0,24%
6	Cổ đông khác trong nước	17.786.294	35,57%
II.	NGOÀI NƯỚC:	5.460	0,01%
1	Huỳnh Văn Thi	930	0,0019%

2	JOHN DOLAN	930	0,0019%
3	Kang Seuk Jeung	1.300	0,0026%
4	Tanioka Hiroyasu	2.300	0,0046%
	TỔNG CỘNG (I+II)	50.000.000	100,00%

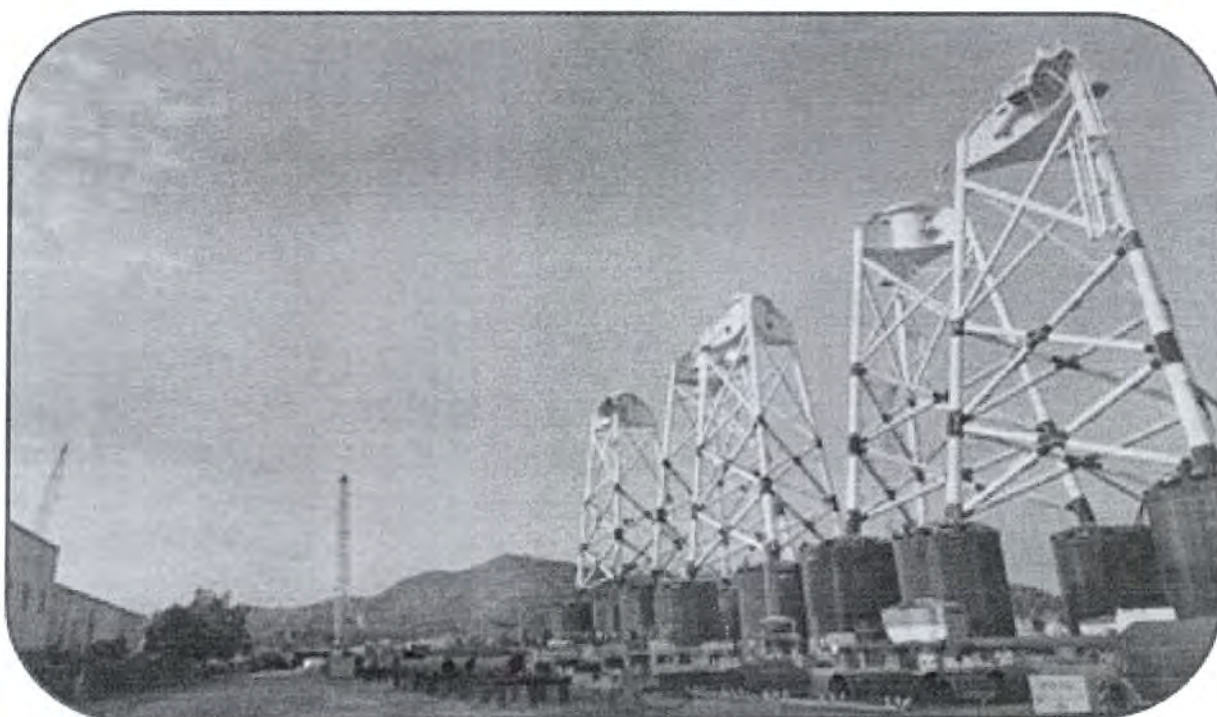
****Danh sách cổ đông lớn:***

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	25.500.000	51,00%
2	Công ty Cổ phần và Dịch vụ tư vấn Tương Lai	3.306.000	6,61%

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Công ty áp dụng Hệ thống quản lý HSEQ (Chất lượng - An toàn - Sức khỏe – Môi trường) giúp định hướng việc nâng cao hiệu suất an toàn, hiệu quả lao động, tuân thủ luật pháp cho các hoạt động của Công ty. Cụ thể trong lĩnh vực quản lý dự án và thi công công trình xây dựng phục vụ ngành dầu khí phù hợp với các tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được quan tâm kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ. Trong năm 2025, Công ty không để xảy ra trường hợp nào mất an toàn. Công ty đã hoàn thành cập nhật chuyển đổi giấy chứng nhận hệ thống ISO 9001:2008 và ISO 14001:2010 sang tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tiêu chuẩn ISO 14001:2015. Công ty SMBĐ đã xây dựng tích hợp các tiêu chuẩn trên và phù hợp với các quy trình, quy định của Tổng Công ty PTSC.





By Royal Charter

Certificate of Registration

QUALITY MANAGEMENT SYSTEM - ISO 9001:2008

This is to certify that:

SAO MAI - BEN DINH PETROLEUM INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY
9-11 Hoang Dieu Street,
Ward 1,
Vung Tau City,
Vietnam

Holds Certificate Number:

FS 616818

and operates a Quality Management System which complies with the requirements of ISO 9001:2008 for the following scope:

Project management and construction of oil and gas works

For and on behalf of BSI:

Gary Fenton, Global Assurance Director

Originally registered: 01/09/2011

Latest Issue: 09/08/2014

Expiry Date: 30/08/2017



Page: 1 of 1

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract. An electronic certificate can be authenticated [online](#). Printed copies can be validated at www.bsi-global.com/ClientDirectory or telephone +84 (8) 39320 778. Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2008 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
A Member of the BSI Group of Companies.

afg

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Tổng quan về hoạt động của Công ty:

Trong năm 2025, tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, khó dự đoán, đặc biệt là chính sách của Mỹ và phản ứng của các nước. Căng thẳng thuế quan giữa Hoa Kỳ và các nước, xung đột quân sự leo thang diễn ra ở nhiều châu lục, nguy cơ chiến tranh thương mại đang hiện hữu đã tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Giá dầu thế giới nhìn chung diễn biến theo xu hướng giảm so với cùng kỳ làm ảnh hưởng đến hoạt động các doanh nghiệp trong ngành dầu khí nói chung và đặc biệt là ở khu vực hạ nguồn nói riêng. Tuy nhiên, bên cạnh các gói thầu EPCI thuộc dự án Lô B – Ô Môn, nhiều dự án khác đang được đẩy nhanh tiến độ đem lại triển vọng tích cực sẽ tạo nhiều nguồn việc cho thị trường dịch vụ dầu khí.

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được :

Công ty đã có nhiều kinh nghiệm, năng lực và dần xây dựng và khẳng định được thương hiệu trong lĩnh vực thi công chế tạo cơ khí, cung cấp thương mại hàng hóa, máy móc thiết bị phục vụ ngành dầu khí.

Công ty luôn tích cực bám sát tình hình diễn biến của thị trường, chủ động tham gia các hạng mục công việc mới theo xu hướng dịch chuyển năng lực.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản :

Đơn vị tính : Đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Số cuối năm 2025	Số đầu năm 2025	Ghi chú
A	Tài sản ngắn hạn	504.608.723.564	486.102.693.188	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	183.360.249.795	40.812.328.907	
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.000.000.000	307.000.000.000	
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	202.261.200.447	96.308.078.909	
4	Hàng tồn kho	71.232.597.833	39.695.892.095	
5	Tài sản ngắn hạn khác	10.754.675.489	2.286.393.277	
B	Tài sản dài hạn	345.938.071.267	319.288.324.069	
1	Các khoản phải thu dài hạn	15.000.000	3.000.000	
2	Tài sản cố định	132.565.595.133	63.941.359.775	
3	Bất động sản đầu tư	154.924.417.203	159.659.689.059	
4	Tài sản dở dang dài hạn	54.311.897.749	92.884.192.634	
5	Tài sản dài hạn khác	4.121.161.182	2.800.082.601	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	850.546.794.831	805.391.017.257	





2.2 Tình hình nợ phải trả:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Số cuối năm 2025	Số đầu năm 2025	Ghi chú
I	Nợ ngắn hạn	110.478.400.226	62.490.784.343	
II	Nợ dài hạn	179.053.893.527	183.378.297.171	
	Nợ phải trả	289.532.293.753	245.869.081.514	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Nâng cao công tác quản lý hành chính, quản lý dự án, cải tiến hệ thống để nâng cao năng suất của Công ty, tái cơ cấu bộ máy theo hướng tinh giản, gọn nhẹ nhằm sử dụng tối ưu hóa mọi nguồn lực để giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Kiến toàn chức năng nhiệm vụ các phòng ban phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, thực hiện văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, văn minh để người lao động có động lực phát huy tối đa năng lực làm việc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Giải pháp về quản lý:

- Nâng cao công tác quản lý hành chính, quản lý dự án để nâng cao năng suất của Công ty, tái cơ cấu bộ máy theo hướng tinh giản, gọn nhẹ nhằm tối ưu hóa mọi nguồn lực để giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Kiến toàn chức năng nhiệm vụ các phòng ban phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, thực hiện văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, văn minh để người lao động phát huy tối đa năng lực làm việc.

- Giải pháp về thị trường:

- Tập trung tối đa mọi nguồn lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.
- Áp dụng công nghệ số hóa trong quản lý, hỗ trợ đẩy mạnh Marketing giúp giảm bớt quy trình thủ công, tăng tính minh bạch và hiệu quả cạnh tranh.

- Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Tổ chức sắp xếp, phân công lao động khoa học, hợp lý, tạo sự chuyên môn hóa sâu trong lao động.
- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách riêng nhằm thu hút, đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao, kỷ luật nghiêm minh, gắn kết đãi ngộ với đóng góp, phát huy tính tự giác trong lao động.

- Giải pháp về đầu tư:

- Tăng cường kiểm tra giám sát, đẩy mạnh tiến độ và quản lý đầu tư chặt chẽ theo kế hoạch; kịp thời có kiến nghị xin ý kiến chỉ đạo, đề ra các biện pháp cụ thể nhằm tháo gỡ khó khăn cho Công ty, nhà thầu cũng như hỗ trợ nhà thầu để đẩy nhanh tiến độ công việc.
- Tích cực tham gia chào thầu các dự án thi công cấu kiện, phát triển dịch vụ thi công cơ khí vệ tinh cho các đơn vị trong Tổng Công ty, đồng thời đẩy mạnh kết nối, hợp tác, liên danh – liên kết với các đối tác trong và ngoài ngành nhằm mở rộng cơ hội tiếp cận

các dự án tiềm năng, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng phát triển thị trường.

- Tập trung khai thác tối ưu mặt bãi 28ha, đáp ứng nhu cầu thuê mặt bằng, kho bãi của PTSC và các đơn vị.

- **Giải pháp về tài chính:**

- Sử dụng các công cụ quản trị rủi ro trong quản lý nguồn vốn và tài sản.
- Tăng cường công tác quản trị, quản lý, hạch toán kinh tế và sử dụng đồng tiền, công tác thu hồi công nợ,...đảm bảo tính tự chủ và an toàn về tài chính.

- **Giải pháp về an toàn, môi trường và phát triển bền vững:**

- Không ngừng củng cố và hoàn thiện các hệ thống quản lý và kiểm soát chất lượng, an toàn, sức khỏe, môi trường, đảm bảo duy trì ổn định và ngày càng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của Công ty.
- Liên tục tuyên truyền đến từng CBCNV để nâng cao ý thức an toàn trong lao động, bảo vệ môi trường, tiết kiệm chống lãng phí, hăng say trong công việc nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.
- Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể quan tâm, chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động.

5. Giải trình của Ban giám đốc về ý kiến của kiểm toán: Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Công ty SMBĐ không ngừng củng cố và hoàn thiện các hệ thống quản lý và kiểm soát chất lượng, an toàn, sức khỏe, môi trường, đảm bảo duy trì ổn định và ngày càng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của Công ty.

Liên tục tuyên truyền, quản lý hệ thống đến từng CBCNV để nâng cao ý thức an toàn trong lao động, bảo vệ môi trường, tiết kiệm chống lãng phí, hăng say trong công việc nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể quan tâm, chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và Ban iám đốc:

Hội đồng quản trị đánh giá trong năm qua Công ty và Ban Giám đốc đã bám sát tình hình thực tế, tích cực, nỗ lực, chủ động trong công tác điều hành, quyết liệt thực hiện các giải pháp, định hướng tốt hoạt động, cụ thể:

- Chủ động, linh hoạt trong điều hành hoạt động SXKD. Quyết liệt thực hiện có hiệu quả các phương án, giải pháp đề ra, mang lại nhiều chuyển biến tích cực và lợi nhuận cho Công ty.

- Các nguồn lực chính của Công ty như nguồn vốn được duy trì ổn định, an toàn, sẵn sàng cho công tác đầu tư.

- Đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, nhiệt tình, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ của Công ty.

- Thực hiện quyết liệt các biện pháp tiết kiệm, tiết giảm tối đa chi phí, mang lại hiệu quả cao cho Công ty
- Tích cực trong công tác marketing, mở rộng thị trường và hoạt động kinh doanh, chủ động tìm kiếm khách hàng, nguồn việc mới trong và ngoài ngành cho Công ty.
- Từng bước trang bị và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, đổi mới tác phong doanh nghiệp nâng cao năng lực và hiệu quả của bộ máy.
- Nghiên cứu, tiếp cận và phát triển các hướng đi mới cho Công ty.
- Chế độ đãi ngộ và bảo vệ sức khỏe cho người lao động được cải thiện, đảm bảo việc làm, đời sống đầy đủ.

****Bên cạnh những kết quả đạt được, Công ty và Ban Giám đốc trong thời gian tới cần lưu ý và khắc phục các vấn đề sau:***

- Công tác đánh giá, dự báo và lập kế hoạch cần sát với thực tế hơn nữa để chủ động có các giải pháp trong hoạt động SXKD phù hợp.
- Cải tiến và tối ưu hóa trong hoạt động quản lý, tổ chức, giám sát thi công và giá thành để nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh.
- Tích cực phối hợp và tranh thủ sự hỗ trợ của Tổng Công ty PTSC, làm việc với các cơ quan chức năng, sớm hoàn thành các thủ tục liên quan đến đất đai, điều chỉnh dự án, xin ưu đãi đầu tư, nghĩa vụ tài chính... của dự án Căn cứ DVHH Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, bến bãi, cầu cảng, trang thiết bị phục vụ cho sản xuất và khách hàng, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.
- Đa dạng hóa doanh thu của Công ty, tránh phụ thuộc nhiều vào các đơn vị trong ngành để hạn chế ảnh hưởng khi có biến động.
- Công tác quản lý tài chính và thu hồi công nợ cần tích cực, quyết liệt hơn, chủ động nắm bắt tình hình và đưa ra các biện pháp thu hồi để đạt hiệu quả cao.
- Đẩy mạnh tái cấu trúc bộ máy hoạt động, sắp xếp nhân sự phù hợp trên nguyên tắc đúng người đúng việc.
- Chú trọng chuyển đổi số trong toàn Công ty, đảm bảo phù hợp với bối cảnh, mục tiêu, chiến lược của Tổng Công ty nói chung và của Công ty nói riêng.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Theo nhận định của HĐQT, năm 2025 mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức, song cũng có nhiều cơ hội đối với Công ty. Để thực hiện các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao, trên cơ sở tình hình thực tế và hoạt động của công ty hiện nay, HĐQT đề ra chương trình công tác trong năm 2026 như sau:

2.1 Về công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên và các cuộc họp định kỳ của HĐQT

- Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2026.
- Tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, đột xuất của HĐQT để thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, đánh giá tình hình của Công ty, kịp thời thúc đẩy, xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của Công ty.

2.2 Công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và đôn đốc tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 và các nội dung đã được ĐHCĐ thông qua.

Hg

- Tập trung phát triển năng lực, tận dụng các thế mạnh như thương hiệu, nguồn lực, hệ thống quản lý, kinh nghiệm... để đảm nhận những công việc phức tạp và giá trị hơn.

- Chỉ đạo xây dựng và đề xuất chiến lược phát triển, mở rộng lĩnh vực hoạt động SXKD phù hợp với tình hình thực tế, đẩy mạnh công tác Marketing, tăng cường sự kết nối nhằm củng cố, phát triển các mối quan hệ, hợp tác liên doanh, liên kết trong và ngoài ngành dầu khí... nhằm ký thêm được các hợp đồng, công việc, dự án mới.

- Chỉ đạo và giám sát công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị để đón đầu các dự án của ngành Dầu khí và Năng lượng tái tạo ngoài khơi.

- Chỉ đạo đẩy mạnh tái cấu trúc, chuyển đổi số và áp dụng, cải tiến quy trình lao động và các hệ thống quản lý Công ty để tăng cường khả năng cạnh tranh, hạn chế rủi ro.

- Phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty:

+ Kiểm tra, giám sát việc huy động và sử dụng các nguồn lực của Công ty.

+ Kiểm tra độ tin cậy của số liệu Báo cáo Tài chính, báo cáo khác và các thông tin kinh tế - tài chính theo quy định hiện hành.

+ Kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư, quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, các hoạt động đầu tư, xây dựng, đấu thầu.

+ Kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, sử dụng, chế độ chính sách với người lao động, đồng thời rà soát kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả nhất.

+ Định kỳ lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ các quy định của Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Kiểm soát và các quy định của pháp luật.

2.3. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

- Phối hợp cùng Ban kiểm soát tăng cường kiểm tra giám sát, đẩy mạnh tiến độ và quản lý đầu tư chặt chẽ theo kế hoạch ĐHĐCĐ phê duyệt; Kịp thời chỉ đạo, đề ra các biện pháp cụ thể nhằm tháo gỡ khó khăn, hoàn thành mục tiêu đề ra.

2.4. Công tác nhân sự

- Chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty phù hợp với mô hình hiện nay, tăng năng suất và hiệu quả lao động.

- Thực hiện đúng thẩm quyền của HĐQT trong công tác nhân sự.

2.5. Công tác sửa đổi, bổ sung Điều lệ và hoàn thiện các văn bản quản lý, quản trị Công ty

- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành, bộ phận chức năng rà soát các quy định, quy chế của Công ty để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành.

2.6. Công tác quản lý vốn và Người đại diện phần vốn

- Theo dõi, giám sát chặt chẽ việc huy động và sử dụng nguồn vốn của Công ty trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả. Tuân thủ đúng quy định về quản lý vốn và sử dụng vốn bằng tiền của Công ty và Tổng Công ty PTSC.

- Chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành tích cực, quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ đối với các khách hàng. Thực hiện nghiêm Quy chế quản lý công nợ của Công ty.

2.7. Công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí

- Chỉ đạo xây dựng và giám sát Công ty trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch tiết kiệm chống lãng phí năm 2026 trong từng lĩnh vực. Đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra.

2.8. Thực hiện các công việc thường xuyên của HĐQT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 05 thành viên bao gồm 03 thành viên đại diện cho PTSC và 02 thành viên độc lập, cụ thể:

1. Ông Phạm Văn Hùng	- Chủ tịch HĐQT	(Kiêm nhiệm)
2. Ông Nguyễn Thanh Hải	- TV HĐQT, Giám đốc	(Chuyên trách)
3. Ông Trần Xuân Tài	- TV HĐQT	(Kiêm nhiệm)
4. Ông Trương Đình Tri	- TV HĐQT	(Độc lập)
5. Ông Nguyễn Anh Dũng	- TV HĐQT	(Độc lập)

① Ông PHẠM VĂN HÙNG CHỦ TỊCH HĐQT



- Sinh năm 1977 tại Quảng Ngãi
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý kinh tế
- Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0 CP

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- + 12/2000 - 09/2001: Nhân viên bán xăng dầu Chi nhánh Công ty Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi
- + 10/2001 - 06/2002: Nhân viên kinh doanh Gas/ Trạm trưởng trạm kinh doanh nhiên liệu: Chi nhánh Công ty Dịch vụ Dầu khí tại Quảng Ngãi.
- + 07/2002 - 06/2005: Tổ trưởng Tổ điều độ Cảng Dung Quất Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí tại Quảng Ngãi.
- + 07/2005 - 10/2005: Phó Giám đốc Dự án cung cấp đá để xử lý túi bùn đề chắn sóng Dung Quất.
- + 11/2005 - 10/2007: Đội trưởng Đội Dịch vụ Cảng Dung Quất Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi.
- + 11/2007 - 01/2012: Phó Giám đốc Công ty PTSC Quảng Ngãi
- + 01/2012 - 10/2022: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty PTSC Quảng Ngãi
- + 10/2022 - 04/2023: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ

- thuật Dầu khí Việt Nam, Thành viên HĐQT Công ty PTSC Quảng Ngãi.
- + 04/2023 – 10/2023: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty PTSC Quảng Ngãi.
 - + 10/2023 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty PTSC Quảng Ngãi, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

② Ông NGUYỄN THANH HẢI
THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC



Sinh năm 1971 tại Nam Định.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí; Cử nhân quản trị kinh doanh.
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 975 cổ phiếu.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
(Xem thông tin phần Ban Giám đốc)

**③ Ông TRẦN XUÂN TÀI
THÀNH VIÊN HĐQT**



Sinh năm 1981 tại Nghệ An
Trình độ chuyên môn: Đại học
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0 CP

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- + 10/2001 – 04/2004: Giảng viên, Trung tâm Tin học Ứng dụng – Mỏ địa chất.
- + 07/2004 – 05/2005: Thư ký kinh doanh, Công ty TNHH Thép Hanel Hà Nội.
- + 06/2005 – 09/2006: Trợ lý Giám đốc, Công ty CP Thiết bị điện Hồng Phúc.
- + 10/2006 – 07/2007: Chuyên viên, Ban Kế hoạch Đầu tư, PTSC.
- + 08/2007 – 03/2008: Tổ trưởng tổ Đầu tư Phương tiện Thiết bị, Ban Kế hoạch Đầu tư, PTSC.
- + 04/2008 – 08/2009: Phó phòng KHTS, Ban kế hoạch Đầu tư, PTSC.
- + 09/2009 – 06/2019: Trưởng phòng Tài Sản, Ban Kế hoạch Đầu tư, PTSC.
- + 07/2019 – Nay: Phó ban, Ban Kế hoạch Đầu tư, PTSC.

**④ Ông TRƯƠNG ĐÌNH TRI
THÀNH VIÊN HĐQT**



Sinh năm 1974 tại Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Kỹ sư điều khiển tàu biển
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0 CP

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- + 04/2001 – 06/2003: Sỹ quan boong – Đội tàu, Xí nghiệp tàu Dịch vụ Dầu khí
- + 06/2003 – 10/2006: Nhân viên thương mại – Phòng Thương mại, Xí nghiệp tàu Dịch vụ Dầu khí
- + 10/2006 – 07/2007: Chuyên viên phòng Kinh tế - Kế hoạch, Tổng Công ty PTSC
- + 07/2007 – 02/2009: Phó trưởng ban Kế hoạch Đầu tư, Tổng Công ty PTSC
- + 02/2009 – 04/2011: Phó Giám đốc Công ty PTSC Phú Mỹ
- + 04/2011 – Nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty PTSC Phú Mỹ

⑤ Ông NGUYỄN ANH DŨNG
THÀNH VIÊN HĐQT



Sinh năm 1971 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Đối ngoại

Số lượng CP sở hữu cá nhân: CP

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

+ 10/2010 – 11/2012: Phó Giám đốc CN HCM phụ trách kinh doanh, Công ty Cổ phần Địa ốc đất vàng Việt – CNHCM

+ 11/2012 – 02/2021: Giám đốc Chi nhánh HCM, Công ty INTERNATIONAL FOOD MASTER

+ 01/2021 – Nay: Đại diện Công ty tại thị trường Việt Nam – Công ty VELIKOLUKSKY MIASOKOMBINAT

1.2. Các tiêu ban thuộc hội đồng quản trị: Không

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trên cơ sở kế hoạch đã đề ra cho năm 2025, các nội dung đã được ĐHCĐ giao và kết quả triển khai thực hiện, HĐQT đánh giá các hoạt động trong năm là đúng thẩm quyền và hiệu quả.

- HĐQT đã thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng và phù hợp để kịp thời xử lý các công việc trong công tác điều hành. Đồng thời, luôn theo dõi, bám sát các mặt hoạt động của Công ty để đưa ra các chủ trương, giải pháp, phương hướng thực hiện nhằm tháo gỡ khó khăn thúc đẩy hoạt động SXKD của Công ty.

- Các thành viên HĐQT luôn làm việc với tinh thần cẩn trọng, trách nhiệm cao vì mục tiêu chung của Công ty và các cổ đông, thực hiện đúng vai trò trách nhiệm của mình, hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa cho Ban điều hành, các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt công việc của mình.

- Năm 2025 Công ty đã quyết tâm ổn định tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác đầu tư, đồng thời tập trung và định hình lại các lĩnh vực SXKD cốt lõi. Các chỉ tiêu về lợi nhuận đều hoàn thành rất tốt, đời sống người lao động được duy trì và cải thiện.

- Cập nhật và tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, các quy định quản lý nội bộ.

- Thực hiện tốt công tác chăm lo, bảo vệ sức khỏe và đời sống người lao động. Tích cực tham gia các phong trào, chương trình do Tập đoàn, Tổng công ty PTSC phát động.

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT:

1.4.1. Ông Phạm Văn Hùng – Chủ tịch HĐQT:

- Chủ trì và tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất, có ý kiến đóng góp, đề xuất tích cực, hiệu quả tại các cuộc họp và các đợt lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.

- Trực tiếp chỉ đạo công tác lập kế hoạch, soạn thảo tài liệu và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

- Thay mặt HĐQT trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện và hỗ trợ để Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.

- Phối hợp cùng HĐQT kiểm tra, giám sát việc huy động, kinh doanh, sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp. Kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, sử dụng, chế độ chính sách với người lao động, rà soát kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình tiết giảm chống lãng phí năm 2025 đã được HĐQT thông qua.

- Thay mặt HĐQT chỉ đạo và thực hiện tốt công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo đúng quy định.

- Thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan.

1.4.2. Ông Nguyễn Thanh Hải – Thành viên HĐQT, Giám đốc

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT kể từ khi được bổ nhiệm, cho ý kiến đầy đủ đối với các nội dung được HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản.

- Tổ chức thực hiện và xử lý tốt các công việc liên quan đến công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2025 đã được ĐHĐCĐ giao.

- Tổ chức, triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị... của HĐQT, các quy định, quy chế của Công ty và pháp luật hiện hành.

- Chỉ đạo kiểm tra, rà soát hoàn thiện hệ thống văn bản của Công ty phù hợp với quy định hiện hành.

- Thực hiện tốt công tác lập báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của HĐQT.

- Chỉ đạo thực hiện và hoàn thành tốt chương trình tiết giảm chống lãng phí năm 2025 đã được HĐQT phê duyệt.

- Phối hợp cùng HĐQT thực hiện tốt công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo đúng quy định.

- Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan.

1.4.3. Ông Trương Đình Tri – Thành viên HĐQT:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý kể từ khi được bổ nhiệm, cho ý kiến đầy đủ đối với các nội dung được HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản.

- Phối hợp cùng HĐQT đơn đốc ban Ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025, hỗ trợ để Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.

- Phối hợp theo dõi, đánh giá việc thực hiện tiết giảm chống lãng phí năm 2025 đã được HĐQT thông qua.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ đã được HĐQT phân công.

- Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản, quy định liên quan.

- Giám sát, phản biện, và bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông (đặc biệt là cổ đông nhỏ) thông qua các hoạt động kiểm soát, đánh giá hiệu quả quản lý, và đảm bảo sự minh bạch trong các quyết sách của Công ty.

1.4.4. Ông Trần Xuân Tài – Thành viên HĐQT:

- Tham gia đầy đủ và có ý kiến đóng góp, đề xuất tích cực tại các cuộc họp của HĐQT và các đợt lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.

- Tích cực phối hợp cùng HĐQT đơn đốc, hỗ trợ, đề xuất các phương án, giải pháp cho Ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 đạt hiệu quả cao.

- Phối hợp cùng HĐQT kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư, quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, các hoạt động đầu tư, xây dựng, đấu thầu của Công ty.

- Phối hợp cùng HĐQT theo dõi, giám sát công tác thực hiện tiết giảm chống lãng phí năm 2025 của Công ty.

- Thực hiện tốt phạm vi công việc đã được HĐQT phân công.

- Phối hợp cùng HĐQT thực hiện tốt công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo đúng quy định.

- Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản, quy định liên quan.

1.4.5. Nguyễn Anh Dũng – Thành viên HĐQT:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý kể từ khi được bổ nhiệm, cho ý kiến đầy đủ đối với các nội dung được HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản.

- Phối hợp cùng HĐQT đơn đốc ban Ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025, hỗ trợ để Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.

- Phối hợp cùng HĐQT thực hiện tốt công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo đúng quy định.

- Phối hợp theo dõi, đánh giá việc thực hiện tiết giảm chống lãng phí năm 2025 đã được HĐQT thông qua.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ đã được HĐQT phân công.

- Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản, quy định liên quan.

- Giám sát, phản biện, và bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông (đặc biệt là cổ đông nhỏ) thông qua các hoạt động kiểm soát, đánh giá hiệu quả quản lý, và đảm bảo sự minh bạch trong các quyết sách của Công ty.

2. Ban Kiểm Soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

① Bà NGUYỄN LỆ TRÀ TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



- Sinh năm 1982 tại Long An
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán/ cử nhân tiếng anh.
- Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0 CP

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- + 2004 – 2009: Kế toán tổng hợp – Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí
- + 2009 – 2018: Kế toán trưởng – Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông
- + 2018 – 2020: Kế toán tổng hợp – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí
- + 1/2021 – 2023: Chuyên viên phòng Đầu tư tài chính và Kế toán quốc tế, Ban Tài chính – Kế toán
- + Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC).
- + 2023 – Nay: Chuyên viên phòng Đầu tư tài chính và Kế toán quốc tế, Ban Tài chính – Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC). Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

② Ông NGÔ VĂN LẬP TV. BAN KIỂM SOÁT



- Sinh năm 1971 tại Nam Định
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0 CP

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- + 11/1994 – 08/1997: Chuyên viên Phòng Nhập – Công ty Thương Mại Dầu khí Petechim.
- + 09/1997 – 07/2007: Chuyên viên Ban Xuất dầu thô – Công ty Thương Mại Dầu khí Petechim (hiện nay là Tổng Công ty PV Oil).
- + 08/2007 – 12/2011: Phó phòng Tổ chức Hành chính, Thư ký HĐQT – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 01/2012 – 04/2022: Trưởng Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 05/2022 – Nay: Kiểm soát viên - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

③ Bà NGUYỄN DIỆU PHƯƠNG
TV. BAN KIỂM SOÁT



- Sinh năm 1973 tại Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, cử nhân kế toán.
- Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0 CP

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- + 04/1995 – 03/1997: Nhân viên Xí nghiệp chế biến lương thực thực phẩm COLUSA
- + 04/1997 – 08/1997: Nhân viên Đài phát thanh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- + 09/1997 – 10/2007: Nhân viên, Phó phòng Kế toán – TCHC, Trưởng phòng Kế toán – Thống kê, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần vận tải ô tô tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- + 10/2007 – 05/2010: Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
- + 05/2010 – 04/2025: Phó phòng Tài chính – Kế toán, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
- + 05/2025 – Nay: Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

2.2.1. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; Trên cơ sở chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua, Ban kiểm soát đã thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ Công ty; Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; các Quy chế quản lý nội bộ, các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng quản trị Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư;
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí;
- Thẩm định Báo cáo Tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng Quý, hàng Năm của Công ty;

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý vốn của Công ty đầu tư vào Doanh nghiệp khác;
- Thực hiện các công tác khác theo trương trình, kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát;
- Định kỳ hằng quý lập Báo cáo kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tuân thủ Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và việc chấp hành các quy định của Pháp luật;
- Công tác kiểm tra giám sát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Công ty, giúp Công ty phát hiện khắc phục những tồn tại trong việc quản lý, điều hành và kiểm soát nội bộ.

2.2.2. Số lượng, nội dung và kết quả của các cuộc họp Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp BKS	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
01	Bà Nguyễn Lệ Trà	Trưởng ban kiểm soát	26/10/2023	04	100%	
02	Ông Ngô Văn Lập	Kiểm soát viên	06/04/2012	04	100%	
03	Bà Nguyễn Diệu Phương	Kiểm soát viên	30/06/2025	03	75%	Bổ nhiệm T6/2025

Trong năm 2025 các Thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ theo từng lĩnh vực được phân công, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Lệ Trà – Trưởng Ban kiểm soát:

- Đã tham gia đầy đủ và cho ý kiến về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công.
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tổ chức hoạt động chung của Ban kiểm soát; Theo dõi, đôn đốc, triển khai thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát; Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các Thành viên Ban kiểm soát;
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm; Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác của Công ty; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư theo quy định;
- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát quý, năm và tổ chức triển khai thực hiện; Thay mặt Ban kiểm soát ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền để thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
- Thông báo kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Luật Doanh nghiệp.

187
TỶ
ÁN
U KI
ĐỊNH
TỔ CƯ





Ông Ngô Văn Lập – Kiểm soát viên:

- Đã tham gia đầy đủ và cho ý kiến về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công;
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tài chính kế toán, quản lý dòng tiền, tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm;
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và các nguồn lực khác của Công ty đúng mục đích, đúng quy định; Kiểm tra huy động vốn, vay nợ của Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;
- Cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công.
- Kết hợp với các thành viên khác trong Ban kiểm soát trong việc kiểm tra thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Bà Nguyễn Diệu Phương – Kiểm soát viên:

- Đã tham gia đầy đủ và cho ý kiến về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công;
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tài chính kế toán, quản lý dòng tiền, tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm;
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác của Công ty; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và các nguồn lực khác của Công ty đúng mục đích, đúng quy định; Kiểm tra huy động vốn, vay nợ của Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;
- Kết hợp với các thành viên khác trong Ban kiểm soát trong việc kiểm tra thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát**3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích****3.1.1. Hội đồng quản trị:**

STT	Họ và tên	Chức danh	Thời gian làm việc	Tổng thu nhập (trước thuế)
1	Phạm Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	12 tháng	60.000.000 đồng
2	Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT Giám đốc	09 tháng	667.348.364 đồng
3	Trần Xuân Tài	Thành viên HĐQT	12 tháng	42.000.000 đồng
4	Trương Đình Tri	Thành viên HĐQT	06 tháng	24.000.000 đồng
5	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	06 tháng	24.000.000 đồng

3.1.2. Ban kiểm soát:

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Thời gian làm việc	Tổng thu nhập (trước thuế)	Ghi chú
01	Nguyễn Lệ Trà	Trưởng ban KS	12 tháng	0 đồng	Theo quy định của PTSC
02	Ngô Văn Lập	Kiểm soát viên	12 tháng	538.793.956 đồng	
03	Nguyễn Diệu Phương	Kiểm soát viên	06 tháng	210.758.611 đồng	Tổng thu nhập kể từ khi là KSV

3.1.3. Giám đốc: Xem tại mục 3.1.1

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: KHÔNG

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: KHÔNG

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và hoàn thành những mục tiêu đề ra. Năm 2025 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ. Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Tuy nhiên Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty luôn nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch năm 2025, nhờ đó mang lại lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ, chặt chẽ các quy định pháp luật về quản trị của công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn: Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời; tổ chức đầy đủ các cuộc họp Đại hội cổ đông với tỷ lệ biểu quyết cao thông qua các nội dung.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình luôn ý thức được trách nhiệm với môi trường, Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được quan tâm kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ. Trong năm 2025, Công ty không để xảy ra trường hợp nào mất an toàn. Công ty đã hoàn thành cập nhật chuyển đổi giấy chứng nhận hệ thống ISO 9001:2008 và ISO 14001:2010 sang tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tiêu chuẩn ISO 14001:2015.



Handwritten signature

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025 :

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025: (đính kèm)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2026

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Hùng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Trương Đình Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Trần Xuân Tài	Thành viên	
Ông Dương Hùng Văn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Lệ Trà	Trưởng ban	
Ông Ngô Văn Lập	Thành viên	
Bà Nguyễn Diệu Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Bà Trương Thị Viên Trúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2025
Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2025
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc	

Kế toán trưởng

Ông Phạm Minh Vĩ	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025
Bà Phạm Thị Hương Giang	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Họ và tên	Từ ngày	Đến ngày
Ông Dương Hùng Văn – Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Ngày 17 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Thanh Hải – Giám đốc	Ngày 17 tháng 4 năm 2025	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các Chính sách Kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Nguyễn Thanh Hải

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

SỐ: 040/VACO/BCKiT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các Chính sách Kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh


Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 37 – Thông tin khác, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại đó Công ty trình bày các thông tin liên quan đến nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất của Dự án Cảng Sao Mai – Bến Đình, cũng như các ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất được hưởng theo quy định tại Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 về dự án đầu tư đặc biệt.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.




Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026


Nguyễn Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4262-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		504.608.723.564	486.102.693.188
I. Tiền	110	4	183.360.249.795	40.812.328.907
1. Tiền	111		23.360.249.795	40.812.328.907
2. Các khoản tương đương tiền	112		160.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.000.000.000	307.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	37.000.000.000	307.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		202.261.200.447	96.308.078.909
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	53.348.831.467	59.297.916.430
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	94.481.463.795	8.674.631.861
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	67.962.823.915	41.867.449.348
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(13.531.918.730)	(13.531.918.730)
IV. Hàng tồn kho	140	10	71.232.597.833	39.695.892.095
1. Hàng tồn kho	141		71.232.597.833	39.695.892.095
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.754.675.489	2.286.393.277
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	733.031.598	311.264.398
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.021.643.891	1.649.271.810
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	12	-	325.857.069
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		345.938.071.267	319.288.324.069
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	15.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		132.565.595.133	63.941.359.775
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	132.565.595.133	63.941.359.775
- Nguyên giá	222		194.078.305.674	119.377.606.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.512.710.541)	(55.436.246.590)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.372.880)	(53.372.880)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	154.924.417.203	159.659.689.059
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(74.356.369.251)	(69.621.097.395)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		54.311.897.749	92.884.192.634
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	54.311.897.749	92.884.192.634
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.121.161.182	2.800.082.601
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4.121.161.182	2.800.082.601
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		850.546.794.831	805.391.017.257

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		289.532.293.753	245.869.081.514
I. Nợ ngắn hạn	310		110.478.400.226	62.490.784.343
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	64.843.638.601	4.503.216.016
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	5.789.278.750	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.121.932.344	312.449.721
4. Phải trả người lao động	314		6.872.548.146	3.959.008.238
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	10.492.909.390	42.216.246.223
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	16.672.453.004	6.862.199.784
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	4.050.598.525	3.951.257.675
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		635.041.466	686.406.686
II. Nợ dài hạn	330		179.053.893.527	183.378.297.171
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	19	-	7.795.780
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	165.052.964.576	170.256.764.360
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	22	13.924.738.475	13.037.546.555
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		76.190.476	76.190.476
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		561.014.501.078	559.521.935.743
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	561.014.501.078	559.521.935.743
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.351.392.969	44.351.392.969
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.663.108.109	15.170.542.774
- LNST chưa phân phối lũy kế đến đầu năm	421a		15.056.049.794	14.407.256.242
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.607.058.315	763.286.532
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		850.546.794.831	805.391.017.257



Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3
năm 2026

Phạm Thị Hương Giang
Phụ trách kế toán

Dương Công Thành
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	208.807.105.108	115.277.063.141
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		208.807.105.108	115.277.063.141
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	182.711.575.153	104.663.571.617
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		26.095.529.955	10.613.491.524
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	12.231.530.029	16.377.975.483
6. Chi phí tài chính	22	30	49.825.617	843.837.488
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.726.027	4.594.643
7. Chi phí bán hàng	25	31	485.370.116	582.444.108
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	25.847.161.730	25.670.700.194
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		11.944.702.521	(105.514.783)
10. Thu nhập khác	31	32	1.171.809.364	3.991.552.114
11. Chi phí khác	32	33	9.302.367.532	2.235.558.879
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(8.130.558.168)	1.755.993.235
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.814.144.353	1.650.478.452
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	1.319.894.118	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	887.191.920	887.191.920
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.607.058.315	763.286.532
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	32	13



Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3
năm 2026

Phạm Thị Hương Giang
Phụ trách kế toán

Dương Công Thành
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.814.144.353	1.650.478.452
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	10.811.735.807	8.584.996.631
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(82.961.813)	16.150.723
- (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.137.456.359)	(15.807.476.663)
- Chi phí lãi vay	06	19.726.027	4.594.643
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.425.188.015	(5.551.256.214)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(37.892.260.953)	36.472.238.004
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(31.536.705.738)	(28.132.479.930)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	74.324.331.193	(35.910.464.064)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(1.742.845.781)	1.090.911.210
- Tiền lãi vay đã trả	14	(19.726.027)	(4.594.643)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(100.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(165.858.200)	(406.543.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.392.122.509	(32.542.188.637)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(147.174.876.702)	(16.097.361.092)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	6.893.940
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(285.595.547.945)	(595.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	555.595.547.945	635.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.331.968.686	16.420.336.149
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	137.157.091.984	40.329.868.997
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	12.000.000.000	4.791.556.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.000.000.000)	(4.791.556.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.290.405)	(1.730.065)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.290.405)	(1.730.065)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	142.547.924.088	7.785.950.295
Tiền đầu năm	60	40.812.328.907	33.033.923.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.200)	(7.545.029)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	183.360.249.795	40.812.328.907



Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3
năm 2026

Phạm Thị Hương Giang
Phụ trách kế toán

Dương Công Thành
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 49121000147 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2012 và thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 10 năm 2016 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 4903000636 ngày 7 tháng 5 năm 2007 và thay đổi lần thứ 12 số 3500794814 ngày 28 tháng 4 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND, tương đương 50.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Upcom với mã chứng khoán là PSB.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 71 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 68 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động, chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Mạ đánh bóng kim loại; Xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt; Phun cát, trộn, làm sạch kim loại (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và Pháp luật có liên quan);
- Bốc xếp hàng hóa, chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển, cảng sông;
- Xây dựng nhà để ở;
- Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan, chi tiết: Bán buôn than đá để làm nhiên liệu rắn khác, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển, chi tiết: Cho thuê container, cho thuê máy móc, thuê thiết bị ngành công nghiệp, xây dựng, hóa chất, dầu khí không kèm người điều khiển;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn tơ, sợi, sợi dệt; Bán buôn nguyên liệu bông xơ, thuốc nhuộm; Bán buôn nguyên phụ liệu, bao bì cho ngành dệt may; Bán buôn nhựa đường và các nguyên liệu hóa chất phụ gia sản xuất nhựa đường; Kinh doanh phân bón, hóa chất (trừ chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông; trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: Hạt nhựa polypropylen và các sản phẩm khác có liên quan;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình, Xây dựng công trình điện đến 35 KV; Xây dựng công trình điện ngầm dưới đất, dưới nước; Xây dựng trạm bơm; Xây dựng công trình đường ống dẫn xăng dầu, chất lỏng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và TBA đến 35 KV; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường giao thông; Giám sát công tác hoàn thiện công trình dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Chi tiết: Khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình, cụm cảng container; Cho thuê kho bãi; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà ở và đất ở;
- Hoạt động dịch vụ khác liên quan đến vận tải, Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển; Kinh doanh khai thác cảng biển (Vận hành khai thác cảng);
- Đóng tàu và cấu kiện nổi, Chi tiết: Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, các phương tiện nổi;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, Chi tiết: Sửa chữa tàu thuyền, các phương tiện nổi; Sửa chữa container; Sản xuất container;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm (Tiếp theo):

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, Chi tiết: Lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường biển;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa, Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: Mua bán máy móc thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí, hàng hải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, Chi tiết: Vận tải hàng bằng đường bộ, dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Cho thuê xe có động cơ, Chi tiết: Cho thuê các phương tiện vận tải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Cung ứng lao động tạm thời, chi tiết: Cho thuê lại lao động;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại, chi tiết: - Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất; - Sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho nén và hóa lỏng khí đốt; - Sản xuất nồi hơi trung tâm và nồi cấp nhiệt (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư. Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cấp phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan);
- Xây dựng nhà không để ở;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên, chi tiết: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng – căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, dịch vụ chế tạo sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, dịch vụ thủ tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy, nâng hạ hạng nặng, cân;
- Xây dựng công trình thủy, chi tiết: Xây dựng cảng;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp; Xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí, kho chứa các sản phẩm dầu khí, các công trình đường ống dẫn dầu-khí-nhiên liệu;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên, Chi tiết: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng – căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, dịch vụ chế tạo sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, dịch vụ thủ tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy, nâng hạ hạng nặng, cân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu năm nay so sánh được với số liệu năm trước.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hướng dẫn Kế toán mới đã ban hành nhưng chưa được áp dụng

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.*

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc, thiết bị	07 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán; được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 - 49 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, đã xuất dùng và các chi phí bảo trì, sửa chữa, dịch vụ mua ngoài khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông. Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ đông phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan:

Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

Tên đầy đủ	Tên viết tắt	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PTSC	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	PTSC - M&C	Thành viên PTSC
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	PTSC - Hotel	Thành viên PTSC
Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ năng lượng tái tạo - Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PTSC - SB	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PV Shipyard	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC	PTSC - POS	Thành viên PTSC

Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)

Tên đầy đủ	Tên viết tắt	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	PVN	Công ty mẹ của PTSC
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PVC - MS	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	DQS	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	PVC - PT	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	BSR	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	PV Gas South	Thành viên PVN
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - XN Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc	PV Gas D - NT	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	PVFCCO - ĐNB	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	PVI Vũng Tàu	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	PVI Phía Nam	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	PSI	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	PV Oil Vũng Tàu	Thành viên PVN
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, quản lý và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này		Nhân sự chủ chốt và các thành viên có quan hệ mật thiết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	90.964.566	109.214.080
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.269.285.229	40.703.114.827
Các khoản tương đương tiền (i)	160.000.000.000	-
Cộng	183.360.249.795	40.812.328.907

Ghi chú:

(i) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng Thương mại có kỳ hạn 02 tháng, lãi suất 4,75%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	35.000.000.000	35.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	115.000.000.000	115.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	-	70.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Côn Đảo	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	37.000.000.000	37.000.000.000	307.000.000.000	307.000.000.000

Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất được hưởng từ 4,80% đến 5,10%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng là các Bên liên quan	24.192.711.984	18.881.773.432
<i>a1. Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)</i>	<i>22.394.718.282</i>	<i>15.333.185.843</i>
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	2.667.557.364	164.856.710
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí Hàng hải	14.277.569.898	829.232.358
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	5.449.591.020	14.339.096.775
<i>a2. Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)</i>	<i>1.797.993.702</i>	<i>3.548.587.589</i>
- Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	1.797.993.702	3.548.587.589
b) Phải thu của khách hàng khác	29.156.119.483	40.416.142.998
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	13.531.918.730
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	15.009.814.070	26.341.034.185
Khách hàng khác	614.386.683	543.190.083
Cộng	53.348.831.467	59.297.916.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VINA E & C	44.690.307.214	5.759.580.756
Công ty TNHH Hạ tầng Xây dựng Đại Nam	32.103.611.076	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Kỹ thuật BMC	9.167.777.813	-
Công ty TNHH Xây dựng An Lạc	-	2.510.451.426
Nhà cung cấp khác	8.519.767.692	404.599.679
Cộng	94.481.463.795	8.674.631.861

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	67.962.823.915	41.867.449.348
a1. Doanh thu trích trước từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	66.342.538.256	37.860.373.422
<i>Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) - Bên liên quan</i>	<i>43.400.177.714</i>	<i>23.867.751.090</i>
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	490.553.000	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	179.750.000	4.959.615
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	42.729.874.714	23.862.791.475
+ Tiền thuê đất (i)	40.931.919.380	20.904.729.180
+ Phí quản lý	-	2.090.472.916
+ Trích trước tiền điện, nước	1.797.955.334	867.589.379
<i>Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) - Bên liên quan</i>	<i>22.942.360.542</i>	<i>13.992.622.332</i>
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	22.942.360.542	13.992.622.332
+ Trích trước tiền thuê đất (i)	21.198.409.485	12.095.270.820
+ Phí quản lý	1.209.527.082	1.209.527.082
+ Trích trước tiền điện, nước	534.423.975	687.824.430
a2. Phải thu ngắn hạn khác	1.620.285.659	4.007.075.926
Ông Trần Đức Hạnh - Bên liên quan	-	142.682.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	1.536.610.961	3.731.123.288
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	83.674.698	133.270.638
b) Phải thu dài hạn khác	15.000.000	3.000.000
Ký cược, Ký quỹ	15.000.000	3.000.000
Cộng	67.977.823.915	41.870.449.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)**Ghi chú:

- (i) Từ năm 2024, Công ty đã thực hiện phân bổ số tiền thuê đất giai đoạn 1 (từ ngày 24 tháng 3 năm 2008 đến ngày 11 tháng 02 năm 2015) mà Công ty đã thực nộp vào Ngân sách Nhà nước cho hai đơn vị là Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("PV Shipyard") và Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí ("PVC-MS") căn cứ theo các thỏa thuận cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình, cụ thể: Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("PV Shipyard") theo Hợp đồng số CN0107001/HDKT-PVSB ngày 06 tháng 12 năm 2007 và Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí ("PVC-MS") theo Hợp đồng số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 09 tháng 8 năm 2010, trong đó, giá thuê sẽ bao gồm các chi phí sử dụng đất, tiền thuê đất mà Công ty phải trả cho Chi cục thuế Cơ sở 24 Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định cộng với 10% chi phí quản lý (Giá thuê bao gồm chi phí đầu tư xây dựng cộng với các khoản chi phí sử dụng đất phải nộp cho địa phương theo quy định), tuy nhiên, kể từ khi Công ty ký hợp đồng cho thuê mặt bãi với PV Shipyard và PVC-MS, giá trị cho thuê chỉ tính toán trên giá trị đầu tư hạ tầng là chính, còn chi phí thuê và sử dụng đất phải đóng cho địa phương chưa đưa vào vì chưa có các thông báo của cơ quan thuế.

Tổng giá trị tiền thuê đất liên quan mà Công ty đã thực hiện tạm nộp vào Ngân sách Nhà nước tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 94.178.301.214 VND. Đồng thời, Công ty đã phân bổ tiền thuê đất phải thu hồi lại từ các bên có liên quan với tổng số tiền là 92.130.328.864 VND.

Tình hình phân bổ và thu hồi lại nghĩa vụ nộp tiền thuê đất tới ngày 31 tháng 12 năm 2025 của các bên có liên quan như sau:

Đối tượng	Tiền thuê đất phải thu hồi	Tiền đã thu hồi đến ngày 31/12/2025	Tiền còn phải thu hồi
	VND	VND	VND
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	32.194.110.231	10.995.700.746	21.198.409.485
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	59.936.218.634	19.004.299.254	40.931.919.380
Cộng	92.130.328.865	30.000.000.000	62.130.328.865

Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các Công ty này để thực hiện thu hồi các nghĩa vụ nợ liên quan.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	-	13.531.918.730	-
Cộng	13.531.918.730	-	13.531.918.730	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	55.452.600.000	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.649.970.367	-	-	-
Hàng hóa	130.027.466	-	39.695.892.095	-
Cộng	71.232.597.833	-	39.695.892.095	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	733.031.598	311.264.398
Hóa chất xuất dùng	192.725.590	-
Phí bảo hiểm, kiểm định	252.668.280	211.819.896
Chi phí khác	287.637.728	99.444.502
b) Dài hạn	4.121.161.182	2.800.082.601
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	569.856.977	281.552.143
Chi phí sửa chữa tài sản	1.541.318.482	2.203.693.748
Khác	2.009.985.723	314.836.710
Cộng	4.854.192.780	3.111.346.999

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	319.756.995	319.756.995	-	-
Các loại thuế khác	6.100.074	6.100.074	-	-
Cộng	325.857.069	325.857.069	-	-
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	445.860.228	445.860.228	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	4.634.267.251	4.634.267.251	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.995.291	3.995.291	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.000.137.123	-	1.000.137.123
Thuế thu nhập cá nhân	312.449.721	979.215.833	1.169.870.333	121.795.221
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (i)	-	64.178.301.214	64.178.301.214	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	155.559.429	155.559.429	-
Cộng	312.449.721	71.397.336.369	70.587.853.746	1.121.932.344

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách Nhà nước trong năm 2025 về tiền thuê đất đối với khu đất tại phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu với diện tích 819.325,4 m² cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 3 năm 2008 đến ngày 14 tháng 02 năm 2015 (giai đoạn trước khi Công ty đầu tư xây dựng trên khu đất này).

Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản tiền Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách Nhà nước liên quan tới tiền thuê đất cho giai đoạn ngày 24 tháng 3 năm 2008 đến ngày 12 tháng 02 năm 2015 là 94.178.301.214 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	75.565.635.984	2.931.159.259	6.278.418.313	192.540.000	34.409.852.809	119.377.606.365
- Mua trong năm	-	-	1.370.000.000	380.268.000	-	1.750.268.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	72.950.431.309	-	-	-	-	72.950.431.309
Số dư cuối năm	<u>148.516.067.293</u>	<u>2.931.159.259</u>	<u>7.648.418.313</u>	<u>572.808.000</u>	<u>34.409.852.809</u>	<u>194.078.305.674</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	18.976.600.317	882.606.039	3.616.131.124	125.482.013	31.835.427.097	55.436.246.590
- Khấu hao trong năm	4.061.849.553	165.217.284	605.490.656	55.371.730	1.188.534.728	6.076.463.951
Số dư cuối năm	<u>23.038.449.870</u>	<u>1.047.823.323</u>	<u>4.221.621.780</u>	<u>180.853.743</u>	<u>33.023.961.825</u>	<u>61.512.710.541</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	<u>56.589.035.667</u>	<u>2.048.553.220</u>	<u>2.662.287.189</u>	<u>67.057.987</u>	<u>2.574.425.712</u>	<u>63.941.359.775</u>
Số dư cuối năm	<u>125.477.617.423</u>	<u>1.883.335.936</u>	<u>3.426.796.533</u>	<u>391.954.257</u>	<u>1.385.890.984</u>	<u>132.565.595.133</u>

Nguyên giá của các Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 39.391.184.881 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 32.754.160.770 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	53.372.880	53.372.880
Số dư cuối năm	53.372.880	53.372.880
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	53.372.880	53.372.880
Số dư cuối năm	53.372.880	53.372.880
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

Nguyên giá của Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 53.372.880 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 53.372.880 VND).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	229.280.786.454	229.280.786.454
Số dư cuối năm	229.280.786.454	229.280.786.454
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	69.621.097.395	69.621.097.395
- Khấu hao trong năm	4.735.271.856	4.735.271.856
Số dư cuối năm	74.356.369.251	74.356.369.251
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	159.659.689.059	159.659.689.059
Số dư cuối năm	154.924.417.203	154.924.417.203

Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Công ty như sau:

	Nguyên giá
	VND
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 héc ta (i)	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 héc ta (ii)	97.399.118.187
Cộng	229.280.786.454

Ghi chú:

- (i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2009 (Hợp đồng kinh tế số 0107001/HĐKT-PVSB ngày 6 tháng 12 năm 2007). Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.
- (ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2010 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí từ năm 2010 (Hợp đồng nguyên tắc số 23/PVSB-PVC/12-09/M ngày 11 tháng 12 năm 2009 và Hợp đồng kinh tế số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 9 tháng 8 năm 2010). Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 49 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)****Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư**

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cần được trình bày. Công ty chưa thu thập đủ thông tin về các bất động sản đầu tư tương tự làm cơ sở ước tính giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này, nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 không được trình bày trên Báo cáo tài chính được lập.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (i)	37.938.201.419	38.611.148.885
Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình (ii)	3.566.009.572	41.465.356.991
Dự án Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình và Di dời, lắp đặt Nhà xưởng hiện hữu (iii)	12.725.868.576	12.725.868.576
Dự án khác	81.818.182	81.818.182
Cộng	54.311.897.749	92.884.192.634

Ghi chú:

- (i) Các chi phí ban đầu (bồi thường, rà phá bom mìn, vật liệu nổ, đền bù giải phóng mặt bằng) triển khai cho việc thực hiện đầu tư dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình theo quyết định của Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các thủ tục đầu tư, thanh toán tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án theo các hướng dẫn của UBND tỉnh (thông tin bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xem tại Thuyết minh số 37).
- (ii) Các chi phí đầu tư dở dang riêng cho dự án thành phần là Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình trong tổng diện tích đất đã được bàn giao đợt 1 cho Công ty. Trong năm, Công ty đã hoàn thành hạng mục san lấp mặt bằng Phân khu 1 - Phân kỳ 2 cho diện tích 5,2 ha. Cho đến hiện tại, Công ty vẫn đang tiếp tục triển khai san lấp hạng mục tiếp theo.
- (iii) Đây là chi phí liên quan hạng mục “di dời lắp đặt nhà xưởng hiện hữu” thuộc Công trình “Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (Nổi từ Công ty PV Shipyard qua khu đất của Công ty PVC-MS)”, bao gồm phần giá trị chuyển từ tài sản cố định trong kỳ (xem Thuyết Minh số 13). Giá trị hạng mục này sẽ được tập hợp và phân bổ khi Dự án Công trình “Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (Nổi từ Công ty PV Shipyard qua khu đất của Công ty PVC-MS)” thực hiện hoàn tất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán là các Bên liên quan	10.583.686.172	10.583.686.172	354.735.052	354.735.052
<i>a1. Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)</i>	<i>306.107.706</i>	<i>306.107.706</i>	<i>354.735.052</i>	<i>354.735.052</i>
- Công ty TNHH Khách sạn Dầu Khí PTSC	306.107.706	306.107.706	-	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	-	-	354.735.052	354.735.052
<i>a2. Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) - Bên liên quan</i>	<i>10.277.578.466</i>	<i>10.277.578.466</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	10.277.578.466	10.277.578.466	-	-
b) Phải trả người bán là các đối tượng khác	54.259.952.429	54.259.952.429	4.148.480.964	4.148.480.964
Little Tiger International Limited	36.927.800.000	36.927.800.000	-	-
Công ty TNHH Hải Lưu	9.767.126.037	9.767.126.037	36.525.773	36.525.773
Techcrane International, LLC	-	-	3.372.567.196	3.372.567.196
Nhà cung cấp khác	7.565.026.392	7.565.026.392	739.387.995	739.387.995
Cộng	64.843.638.601	64.843.638.601	4.503.216.016	4.503.216.016

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC - Bên liên quan	4.893.760.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) - Bên liên quan	895.518.750	-
Cộng	5.789.278.750	-

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	10.492.909.390	42.216.246.223
Trích trước chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	3.858.859.261	170.565.000
Trích trước chi phí thi công san lấp mặt bằng	-	37.524.409.993
Chi phí khác	6.634.050.129	4.521.271.230
b) Dài hạn	-	7.795.780
Trích trước chi phí ký quỹ bảo lãnh bảo hành công trình	-	7.795.780
Cộng	10.492.909.390	42.224.042.003

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16.672.453.004	6.862.199.784
<i>a1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là các Bên liên quan</i>	<i>16.167.356.384</i>	<i>6.862.199.784</i>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	1.440.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (i)	3.017.358.087	3.017.358.087
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (ii)	2.186.441.697	2.186.441.697
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC	10.963.556.600	218.400.000
<i>a2. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là các đối tượng khác</i>	<i>505.096.620</i>	<i>-</i>
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	505.096.620	-
b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	165.052.964.576	170.256.764.360
<i>b1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là các Bên liên quan</i>	<i>165.052.964.576</i>	<i>170.256.764.360</i>
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (i)	93.538.100.715	96.555.458.802
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (ii)	71.514.863.861	73.701.305.558
Cộng	181.725.417.580	177.118.964.144

Ghi chú:

- (i) Tiền cho thuê cơ sở hạ tầng nhận trước từ Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí theo Hợp đồng cho thuê số CN107001/HDKT-PVSB ngày 06 tháng 12 năm 2017, ký giữa Công ty (Bên cho thuê) và Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (Bên thuê). Tài sản cho thuê tại là cơ sở hạ tầng nằm trong khu đất quy hoạch Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình, thành phố Vũng Tàu (đơn vị hành chính trước ngày 01 tháng 7 năm 2025) với diện tích thuê là 39,8 ha, thời gian thuê tính từ ngày bàn giao đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2057. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng tiền cho thuê cơ sở hạ tầng nhận trước cho thời gian thuê còn lại của hợp đồng là 96.555.458.802 VND.
- (ii) Tiền cho thuê cơ sở hạ tầng nhận trước từ Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí theo Hợp đồng thuê số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 09 tháng 8 năm 2010, ký giữa Công ty (Bên cho thuê) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Bên đi thuê). Tài sản cho thuê là cơ sở hạ tầng nằm trong khu đất quy hoạch Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình, thành phố Vũng Tàu (đơn vị hành chính trước ngày 01 tháng 07 năm 2025) với diện tích thuê là 23ha, thời gian thuê là 49 năm kể từ ngày bàn giao. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng tiền cho thuê cơ sở hạ tầng nhận trước cho thời gian thuê còn lại của hợp đồng là 73.701.305.558 VND.

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cổ tức phải trả	3.947.359.025	3.948.649.430
Các khoản phải trả khác	103.239.500	2.608.245
Cộng	4.050.598.525	3.951.257.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***22. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Số dư đầu năm	13.037.546.555	12.150.354.635
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	887.191.920	887.191.920
Số dư cuối năm	13.924.738.475	13.037.546.555

Thuế thu nhập hoàn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của bất động sản đầu tư do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 và 49 năm. Công ty hiện áp dụng thuế suất 20% là mức thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	500.000.000.000	44.351.392.969	14.870.140.296	559.221.533.265
Lãi trong năm	-	-	763.286.532	763.286.532
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(462.884.054)	(462.884.054)
Số dư đầu năm nay	500.000.000.000	44.351.392.969	15.170.542.774	559.521.935.743
Lãi trong năm	-	-	1.607.058.315	1.607.058.315
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(114.492.980)	(114.492.980)
Số dư cuối năm nay	500.000.000.000	44.351.392.969	16.663.108.109	561.014.501.078

Ghi chú:

- (i) Theo Nghị quyết số 112/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 với số tiền là 114.492.980 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	255.000.000.000	51%	255.000.000.000	51%
Phần vốn của các đối tượng khác	245.000.000.000	49%	245.000.000.000	49%
Cộng	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đồng Dolla (USD)	100	100

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco)	10.530.000.000	10.530.000.000
Cộng	10.530.000.000	10.530.000.000

Tại ngày 29 tháng 11 năm 2021, Sopewaco đã bị Tòa án Nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 01/2021/QĐ-TBPS tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản. Do đó, Công ty đã đánh giá khoản đầu tư này không thể thu hồi được và tiến hành xử lý tổn thất khoản đầu tư theo quy định hiện hành.

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí: Xây dựng công trình theo hợp đồng
- Bộ phận kinh doanh cụm cảng: Cho thuê cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư và các dịch vụ đi kèm.
- Bộ phận kinh doanh hàng hóa: Kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

a. Bảng cân đối kế toán:

	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng
Tại ngày 31/12/2025	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	502.499.468.008	34.485.311.007	82.666.985.156	619.651.764.171
Tài sản không phân bổ				230.895.030.660
Tổng tài sản				850.546.794.831
Nợ phải trả bộ phận	188.904.051.343	36.183.805.114	44.735.454.916	269.823.311.373
Nợ phải trả không phân bổ				19.708.982.380
Tổng nợ phải trả				289.532.293.753

	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng
Tại ngày 01/01/2025	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	362.941.443.767	13.906.171.938	73.081.741.677	449.929.357.382
Tài sản không phân bổ				355.461.659.875
Tổng tài sản				805.391.017.257
Nợ phải trả bộ phận	228.692.378.893	7.795.780	7.609.849.771	236.310.024.444
Nợ phải trả không phân bổ				9.559.057.070
Tổng nợ phải trả				245.869.081.514

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)****b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Năm 2025	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	65.340.742.149	89.683.004.330	53.783.358.629	208.807.105.108
Giá vốn	(48.434.793.687)	(83.694.933.143)	(50.581.848.323)	(182.711.575.153)
Kết quả kinh doanh bộ phận	16.905.948.462	5.988.071.187	3.201.510.306	26.095.529.955
Chi phí không phân bổ				(26.332.531.846)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(237.001.891)
Doanh thu từ hoạt động tài chính				12.181.704.412
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				11.944.702.521
Lợi nhuận khác				(8.130.558.168)
Lợi nhuận trước thuế				3.814.144.353
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.319.894.118)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(887.191.920)
Lợi nhuận sau thuế				1.607.058.315
Thông tin khác				
Khấu hao				10.811.735.807
Năm 2024	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	32.387.394.311	23.998.282.066	58.891.386.764	115.277.063.141
Giá vốn	(26.745.566.100)	(21.741.357.866)	(56.176.647.651)	(104.663.571.617)
Kết quả kinh doanh bộ phận	5.641.828.211	2.256.924.200	2.714.739.113	10.613.491.524
Chi phí không phân bổ				(26.253.144.302)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(15.639.652.778)
Doanh thu từ hoạt động tài chính				15.534.137.995
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				(105.514.783)
Lợi nhuận khác				1.755.993.235
Lợi nhuận trước thuế				1.650.478.452
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(887.191.920)
Lợi nhuận sau thuế				763.286.532
Thông tin khác				
Khấu hao				8.584.996.631

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam nên không có bộ phận theo khu vực địa lý cần báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	25.153.111.734	11.756.797.184
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	89.683.004.330	23.998.282.066
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	49.199.318.596	46.444.564.038
Doanh thu bán hàng hóa	44.771.670.448	33.077.419.853
Cộng	208.807.105.108	115.277.063.141

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	12.628.895.949	4.735.271.856
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	83.694.933.143	21.741.357.866
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	44.219.760.935	46.373.448.218
Giá vốn bán hàng hóa	42.167.985.126	31.813.493.677
Cộng	182.711.575.153	104.663.571.617

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.306.660.823	2.042.879.690
Chi phí nhân công	49.561.664.582	44.207.637.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.811.735.807	8.584.996.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.999.673.618	28.440.427.188
Chi phí khác	13.330.546.083	5.398.737.904
Cộng	177.010.280.913	88.674.679.245

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	12.137.456.359	15.800.582.723
Lãi chênh lệch tỷ giá	94.073.670	577.392.760
Cộng	12.231.530.029	16.377.975.483

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.726.027	4.594.643
Lỗ chênh lệch tỷ giá	30.099.590	839.242.845
Cộng	49.825.617	843.837.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí khấu hao TSCĐ	485.370.116	582.444.108
Cộng	485.370.116	582.444.108
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	16.143.231.150	15.685.813.194
Chi phí vật liệu quản lý	1.434.541.098	1.045.575.691
Chi phí khấu hao TSCĐ	939.419.742	1.521.283.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.829.450.591	2.544.866.600
Các khoản chi phí QLDN khác	5.500.519.149	4.873.160.933
Cộng	25.847.161.730	25.670.700.194

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	-	6.893.940
Thu tiền phạt giao hàng chậm	1.166.752.614	984.658.116
Thu nhập từ 10% chi phí quản lý tiền thuê đất	-	2.999.999.998
Thu nhập khác	5.056.750	60
Cộng	1.171.809.364	3.991.552.114

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phạt giao hàng chậm	2.642.133.252	2.234.986.659
Chi phí chậm nộp tiền thuê đất (i)	6.634.050.129	572.219
Chi phí khác	26.184.151	1
Cộng	9.302.367.532	2.235.558.879

- (i) Đây là khoản tiền chậm nộp tiền thuê đất cho giai đoạn 01 từ 2008 đến 2015 của Công ty đã tạm tính và ghi nhận trong năm, như trình bày tại thuyết minh số 37.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.814.144.353	1.650.478.452
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	4.791.871.577	(2.588.849.995)
Trừ: Chi phí được khấu trừ	(4.526.031.752)	(4.974.956.654)
- Chênh lệch khấu hao	(4.435.959.600)	(4.435.959.600)
- Quy lương dự phòng năm trước chuyển sang thực hiện năm nay	(82.523.923)	(445.734.750)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản mục tiền và phải thu cuối năm trước	(7.545.029)	(93.262.304)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản mục tiền và phải thu cuối năm nay	(3.200)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ và điều chỉnh tăng	9.317.903.329	2.386.106.659
Thu nhập chịu thuế	8.606.015.930	(938.371.543)
Chuyển lỗ	(2.006.545.341)	-
Thu nhập tính thuế	6.599.470.589	(938.371.543)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.319.894.118	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định nghĩa vụ thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về nghĩa vụ thuế TNDN sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	(Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.607.058.315	763.286.532
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(114.492.980)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.607.058.315	648.793.552
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	13

Ghi chú:

- (i) Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính ("Thông tư 200"), lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu không bao gồm số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trong năm 2025, Ban giám đốc đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 114.492.980 VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2024 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số Nghị Quyết số 112/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

36. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng 01 năm	593.100.000	593.100.000
Từ năm thứ 02 đến năm thứ 05	2.372.400.000	2.372.400.000
Trên 05 năm	16.013.700.000	16.606.800.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê 5.000 m² tại bãi thi công của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo phụ lục hợp đồng thuê được ký với thời hạn được tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2057.

37. THÔNG TIN KHÁC

a. Thông tin về các khoản tiền thuê đất

Liên quan đến nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất của Dự án Cảng Sao Mai – Bến Đình, cụ thể như sau:

- Giai đoạn 01 (từ ngày 24 tháng 3 năm 2008 đến ngày 12 tháng 02 năm 2015):

Giai đoạn trước khi có Quyết định của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (đơn vị hành chính trước ngày 01 tháng 7 năm 2025) về việc cho thuê đất đợt 1. Cơ quan thuế xác định tổng số tiền thuê đất phải nộp cho giai đoạn này là 127.831.054.199 VND và tiền chậm nộp là 38.656.110.790 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nộp tiền thuê đất với tổng số tiền 94.178.301.214 VND (trong đó giá trị đã nộp trong năm 2024 là 30.000.000.000 VND và nộp trong 06 tháng đầu năm 2025 là 64.178.301.214 (Xem thuyết minh số 11)) và Công ty đã tính phân bổ nghĩa vụ liên quan tiền thuê đất đã nộp này với tổng số tiền là 92.130.328.865 VND cho các đơn vị thuê đất là Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (“PVC-MS”); Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (“PV Shipyard”) như trình bày tại thuyết minh số 07, phần còn lại tương ứng 2.047.972.349 VND đã được Công ty ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm 2025.

Căn cứ tình hình sử dụng đất thực tế, Công ty tự xác định nghĩa vụ tiền thuê đất phải nộp trong giai đoạn này tương ứng với số tiền đã nộp nêu trên và đã ghi nhận khoản tiền chậm nộp liên quan là 6.634.050.129 VND (xem Thuyết minh số 17). Tổng số tiền thuê đất còn lại chưa nộp (tương đương 33.652.752.985 VND) và số tiền chênh lệch chậm nộp tiền thuê đất tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tương đương 36.222.060.651 VND) là 69.874.813.646 VND đang được Công ty làm việc với các cơ quan chức năng để xem xét điều chỉnh. Sự khác biệt giữa số liệu Công ty xác định và số liệu do cơ quan thuế xác định chủ yếu phát sinh từ sự khác biệt trong việc xác định diện tích và thời gian sử dụng đất thực tế của dự án làm cơ sở tính tiền thuê đất.

Ngoài ra, theo thông báo số 1498/TB-TPHCM ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Cục thuế Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi các thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Công ty thì thông báo liên quan đến tiền thuê đất của Giai đoạn 01 với số tiền 127.831.054.199 VND cũng nằm trong danh sách được thu hồi. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để thống nhất diện tích đất mà Công ty sử dụng thực tế trong giai đoạn 2008 - 2015, cũng như các nghĩa vụ về tiền thuê đất, tiền chậm nộp (nếu có). Công ty sẽ điều chỉnh các chênh lệch nghĩa vụ tài chính liên quan khi có kết luận chính thức từ cơ quan có thẩm quyền.

- Giai đoạn 02 (từ ngày 12 tháng 02 năm 2015 đến ngày 11 tháng 02 năm 2018):

Công ty đã được cơ quan thuế ban hành quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản của dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

- Giai đoạn 03 (từ ngày 12 tháng 02 năm 2018):

Trước đây, cơ quan thuế đã ban hành các thông báo xác định nghĩa vụ tiền thuê đất đối với giai đoạn này với số tiền tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 546.094.317.465 VND.

Tuy nhiên, theo Thông báo số 1498/TB-TPHCM ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi các thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Công ty tương ứng với số tiền thuê đất nêu trên với lý do căn cứ Phiếu chuyển thông tin số 17577/PCTT-SNNMT-QLĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở Nông Nghiệp và Môi trường để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của Công ty miễn giảm tại Mục (iv) Nội dung miễn tiền thuê đất theo ngành nghề ưu đãi từ như sau: “Thời gian áp dụng là 11 năm kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2018 đến ngày 13 tháng 02 năm 2029”.

Theo đó, Công ty xác định dự án thuộc đối tượng được miễn tiền thuê đất trong giai đoạn này. Cũng theo thông báo nêu trên, trong quá trình thực hiện, cơ quan, người có thẩm quyền phát hiện Công ty không đáp ứng điều kiện để được miễn tiền thuê đất thì cơ quan có chức năng quản lý đất đai báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi việc miễn tiền thuê đất và chuyển thông tin cho cơ quan thuế để phối hợp tính, thu, nộp số tiền thuê đất phải nộp (Không được miễn) theo chính sách giá đất tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định cho thuê đất và khoản tiền tương đương với tiền chậm nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

b. Thông tin về điều chỉnh dự án đầu tư

Theo Nghị quyết số 74/NQ-SMBĐ-ĐHCĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận chủ trương điều chỉnh giảm quy mô dự án đầu tư: Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình với tổng diện tích sử dụng của dự án đầu tư sau điều chỉnh là 112,5 ha (diện tích dự án đầu tư trước điều chỉnh là 161,5 ha). Mục đích điều chỉnh giảm quy mô dự án để thực hiện Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu, tỉnh BR - VT đến năm 2035, các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty. Tháng 10 năm 2022, Công ty đã thực hiện lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí SM - BĐ theo quy định của Luật đầu tư 2020 và nộp đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được xem xét thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư.

Từ giai đoạn đó đến nay, Công ty đã bổ sung và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh chủ trương dự án theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời thực hiện nộp lại. Tuy nhiên, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, do có sự thay đổi về địa giới hành chính, Công ty đang tiếp tục phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để nộp lại hồ sơ dự án đầu tư, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày trong các thuyết minh số 6, 8, 17, 18, 20 và 23; trong năm, Công ty còn các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<u>Doanh thu</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	34.721.949.156	53.476.040.647
PTSC - M&C	87.544.221.510	-
PV Shipyard	24.735.806.739	13.995.155.770
Các thành viên thuộc PVN		
PVC - MS	14.417.376.743	6.466.449.001
<u>Mua hàng hóa, dịch vụ</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - Hotel	1.631.249.273	236.300.000
PTSC - SB	12.952.320.857	108.862.500
PV Shipyard	625.271.091	983.935.128
<u>Thu tiền bán hàng</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	45.251.175.687	132.647.603.733
PTSC - M&C	97.740.343.726	4.634.784.632
PV Shipyard	18.907.298.606	16.120.532.657
Các thành viên thuộc PVN		
PVC - MS	15.103.955.196	6.890.917.451
<u>Thanh toán tiền mua hàng</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - SB	3.740.390.460	123.478.770
PTSC - Hotel	1.426.265.093	255.359.523
<u>Chi hộ</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	5.000.000	1.527.545.825
<u>Bù trừ công nợ</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PV Shipyard	1.002.586.012	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)****Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý được hưởng trong năm như sau:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
I.	Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		1.741.501.883	1.819.715.464
1	Ông Phạm Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
2	Ông Dương Hùng Văn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	237.057.145	378.245.498
3	Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	657.926.874	-
4	Ông Trần Xuân Tài	Thành viên HĐQT	42.000.000	36.000.000
4	Ông Trương Đình Tri	Thành viên HĐQT	24.000.000	-
5	Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	24.000.000	-
7	Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên HĐQT	18.000.000	36.000.000
8	Phùng Như Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	-	618.104.737
9	Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc	678.517.864	691.365.229
II.	Ban kiểm soát		568.793.956	615.639.919
III.	Kế toán trưởng		182.205.990	584.925.351
1	Phạm Minh Vĩ	Kế toán trưởng	182.205.990	584.925.351
	Cộng		2.492.501.829	3.020.280.734

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền thu từ lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 1.536.610.961 VND (năm 2024: 3.731.123.288 VND), thể hiện khoản thu nhập từ lãi tiền gửi chưa nhận được tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 3.900.785.146 VND (năm 2024: 36.633.369.500 VND) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, nhưng đã bao gồm 86.583.920.106 VND (năm 2024: 8.270.032.182 VND) là khoản tiền ứng trước mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được ghi nhận trong năm sau. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả và tăng, giảm các khoản phải thu.



Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3
năm 2026

Phạm Thị Hương Giang
Phụ trách kế toán

Dương Công Thành
Người lập biểu